

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1524/QĐ-TTg ngày 06/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao chi tiết dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc phân bổ ngân sách tỉnh năm 2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 168/TTr-STC ngày 11/12/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025:

1. Giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 cho các Sở, Ban, ngành, cơ quan khác ở tỉnh và các huyện, thành phố (theo các Phụ lục đính kèm).

2. Căn cứ nhiệm vụ thu, chi ngân sách nhà nước được giao, các Sở, Ban, ngành và các huyện, thành phố:

a) Triển khai giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2025 đến từng đơn vị trực thuộc và ngân sách cấp dưới theo thẩm quyền, đúng quy định và hoàn thành trước ngày 31 tháng 12 năm 2024; chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu, sự cần thiết, tính đầy đủ, hợp lệ, tuân thủ tiêu chuẩn, định mức, chế độ chi

và các điều kiện bổ sung, giao dự toán và giải ngân theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định của pháp luật liên quan; thực hiện công khai và báo cáo kết quả phân bổ, giao dự toán đúng theo quy định.

b) Thực hiện quản lý ngân sách chặt chẽ, đảm bảo tính thống nhất từ khâu dự toán đến thực hiện phân bổ, điều hành và quyết toán ngân sách.

Điều 2. Trong triển khai thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2025, yêu cầu các Sở, Ban, ngành, các huyện, thành phố và các cơ quan, tổ chức khác có liên quan trong phạm vi quản lý được giao:

1. Hạn chế tối đa việc đề xuất, ban hành các chính sách mới làm giảm thu ngân sách nhà nước, trừ trường hợp thực hiện theo cam kết quốc tế, theo quyết định của cấp có thẩm quyền trong những tình huống thực sự cần thiết, cấp bách, tình huống bất khả kháng do thiên tai, dịch bệnh gây ra; chỉ ban hành mới chính sách chi ngân sách khi thực sự cần thiết và có nguồn tài chính đảm bảo, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách từng cấp.

2. Triển khai thực hiện quyết liệt, có hiệu quả công tác quản lý thu ngân sách nhà nước; cơ cấu lại nguồn thu bảo đảm bền vững; mở rộng cơ sở thu; chống thất thu, chuyển giá trốn thuế; quản lý hiệu quả các nguồn thu ngân sách từ các giao dịch thương mại điện tử, kinh doanh trên nền tảng số; kinh doanh qua mạng; tập trung quản lý đối với chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng bất động sản; đôn đốc thu hồi các khoản nợ đọng thuế, giảm tỷ lệ nợ đọng thuế; tiếp tục cải cách thủ tục hành chính về thuế, đẩy mạnh điện tử hóa quản lý thuế; kiểm soát chặt chẽ hoàn thuế giá trị gia tăng, cho thuê tài sản công, giao đất và cho thuê đất theo quy định của pháp luật;...; đẩy nhanh tiến độ cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp, bảo đảm hiệu quả, chặt chẽ, tránh gây thất thoát vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp.

3. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương, tăng cường trách nhiệm người đứng đầu trong quản lý, sử dụng tài chính, ngân sách; điều hành chi ngân sách nhà nước theo dự toán, bảo đảm chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả; triệt để tiết kiệm các khoản chi thường xuyên, các khoản chi chưa thực sự cấp thiết để bảo đảm nguồn lực cho phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, bổ sung vốn cho đầu tư phát triển; có giải pháp hiệu quả nâng cao chất lượng công tác chuẩn bị đầu tư và phê duyệt dự án ODA, khắc phục hạn chế trong chậm triển khai thực hiện dự án đầu tư công, chậm giải ngân vốn đầu tư công; kiên quyết điều chuyển vốn của các dự án chậm giải ngân, chậm tiến độ sang các dự án có khả năng thực hiện và giải ngân nhưng thiếu vốn. Các dự án quan trọng, cấp bách cần đẩy nhanh tiến độ. Có chế tài xử lý đối với các trường hợp trả lại kế hoạch vốn ODA hàng năm do nguyên nhân chủ quan.

4. Tăng cường kiểm tra giám sát, xử lý nghiêm các vi phạm trong đấu thầu, mua sắm tài sản công, quản lý sử dụng tài sản, ngân sách nhà nước.

Tiếp tục đẩy mạnh sắp xếp, tổ chức bộ máy, thu gọn đầu mối, tinh giản biên chế của hệ thống hành chính theo các Nghị quyết của trung ương, đảm bảo

hoạt động hiệu lực, hiệu quả; đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tài chính, tổ chức lại hệ thống các đơn vị sự nghiệp công lập, giảm hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách nhà nước cho các đơn vị sự nghiệp công lập trên cơ sở phương án tự chủ tài chính được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

5. Đối với nguồn vốn vay ODA, vay ưu đãi và viện trợ không hoàn lại

Căn cứ sự cần thiết, yêu cầu về tiến độ thực hiện và giải ngân, các cơ quan, đơn vị và các huyện, thành phố chủ động đề xuất điều chỉnh dự toán giữa các chương trình, dự án, nhiệm vụ đủ thủ tục, điều kiện trong phạm vi dự toán từng lĩnh vực chi ngân sách nhà nước, dự toán tổng mức vay và bội chi ngân sách địa phương đã được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư (đối với chi đầu tư phát triển), Sở Tài chính (đối với chi thường xuyên) để tổng hợp, theo dõi và kiểm soát giải ngân.

Trường hợp trong tổ chức thực hiện, phát sinh nhu cầu chi (đầu tư phát triển, thường xuyên) vượt dự toán được giao hoặc phát sinh các khoản vay/viện trợ mới chưa được giao dự toán, các cơ quan, đơn vị và các huyện, thành phố báo cáo Sở Kế hoạch và Đầu tư (đối với chi đầu tư phát triển), Sở Tài chính (đối với chi thường xuyên) để được tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

6. Về dự toán chi ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025

a) Căn cứ dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 các chương trình mục tiêu quốc gia được giao, thực hiện phân bổ và giao dự toán cho các đơn vị thực hiện đảm bảo đúng quy định Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các quy định có liên quan.

b) Chủ động cân đối bố trí vốn đối ứng từ ngân sách địa phương, lồng ghép với dự toán ngân sách trung ương và huy động tối đa các nguồn lực tài chính hợp pháp khác để thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn, bảo đảm không chồng chéo, trùng lặp về phạm vi, đối tượng, nội dung hỗ trợ.

7. Thực hiện rà soát, sắp xếp lại tài sản công đảm bảo sử dụng đúng mục đích, tiêu chuẩn, định mức theo chế độ quy định và phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ; xử lý tài sản không còn nhu cầu sử dụng để tạo nguồn tài chính bổ sung cho đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội và các nhu cầu khác theo quy định, việc tổ chức xử lý tài sản theo đúng pháp luật, công khai, minh bạch. Sử dụng hiệu quả tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết theo đúng quy định của pháp luật, chấn chỉnh, xử lý nghiêm việc sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết không đúng quy định.

8. Các cấp ngân sách bố trí dự toán tối thiểu tương ứng 10% tổng số thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất để thực hiện công tác đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 1474/CT-TTg

ngày 24/8/2011 và Quyết định số 191/QĐ-TTg ngày 08/02/2018 (ngân sách cấp tỉnh sẽ không hỗ trợ thêm cho ngân sách các huyện, thành phố trong trường hợp các địa phương không bố trí đủ theo yêu cầu).

Trong đó, đối với các huyện Đắk Song, Đắk Mil, Đắk R'lấp, Đắk Glong và Tuy Đức: Nộp trả ngân sách cấp tỉnh kinh phí thực hiện nhiệm vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý đất đai đã được ngân sách tỉnh đảm bảo (số nộp trả tương ứng 10% số thu tiền sử dụng đất và thực hiện theo Quý, dựa vào tiến độ thu tiền sử dụng đất trong năm).

9. Các huyện, thành phố:

a) Trong điều hành tài chính - ngân sách nhà nước năm 2025, trường hợp địa phương có nguồn thu cân đối ngân sách địa phương giảm so với dự toán được cấp có thẩm quyền quyết định phải chủ động sử dụng các nguồn lực hợp pháp của mình, rà soát, sắp xếp, cắt, giảm, giãn các nhiệm vụ chi chưa thực sự cần thiết để đảm bảo cân đối ngân sách địa phương.

b) Sử dụng kinh phí bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh, nguồn ngân sách địa phương và các nguồn tài chính hợp pháp khác để: thực hiện chế độ, chính sách do Trung ương, địa phương ban hành, đảm bảo đúng chính sách, chế độ, chi trả kịp thời, đúng đối tượng; chi cho các lực lượng của địa phương tham gia bảo đảm trật tự an toàn giao thông trên địa bàn theo quy định; chi các chương trình, dự án theo phê duyệt của cấp có thẩm quyền có phạm vi thực hiện tại địa phương.

c) Thực hiện sắp xếp các khoản chi để bảo đảm kinh phí thực hiện các nhiệm vụ quan trọng và các nhiệm vụ mới tăng thêm trong năm 2025; bố trí kinh phí đầy đủ cho các chính sách đã ban hành theo phân cấp.

d) Trong phân bổ ngân sách địa phương ưu tiên bố trí kinh phí triển khai các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt giai đoạn 2021-2025 thuộc trách nhiệm của ngân sách địa phương.

10. Tiếp tục thực hiện các quy định về tạo nguồn cải cách tiền lương trong năm 2025 từ: một phần nguồn thu được để lại theo chế độ của các cơ quan, đơn vị; nguồn thực hiện cải cách tiền lương đến hết năm 2024 còn dư chuyển sang (nếu có); tiết kiệm 10% dự toán chi thường xuyên (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp, đóng góp theo lương, các khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ); 70% nguồn tăng thu thực hiện của ngân sách địa phương so dự toán năm 2024.

11. Giao Giám đốc Sở Tài chính:

a) Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chi ngân sách tỉnh năm 2025 đối với: Chi trả nợ gốc, lãi vay của chính quyền địa phương trong phạm vi dự toán được Hội đồng nhân dân quyết định; dự toán bổ sung Quỹ dự trữ tài chính; trích 1% chi

thường xuyên theo định mức của các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh chuyển vào Quỹ thi đua, khen thưởng tập trung của cấp tỉnh.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan khẩn trương báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình cơ quan có thẩm quyền phân bổ đối với một số nhiệm vụ chi đã được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định dự toán đầu năm 2025 nhưng chưa giao chi tiết cơ quan, đơn vị thực hiện (do chưa có đủ hồ sơ, thủ tục hoặc cơ sở xác định dự toán thực hiện).

12. Giao Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giải pháp đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công năm 2025 ngay từ đầu năm; trong năm chủ động rà soát, có kế hoạch và báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định điều chỉnh, cắt giảm kế hoạch vốn của các dự án triển khai chậm để bổ sung vốn cho các dự án có khối lượng hoàn thành cao, đảm bảo giải ngân hết kế hoạch vốn đã giao.

b) Tập trung rà soát, kiểm tra và kết luận đối với từng dự án đầu tư ngoài ngân sách; hướng dẫn, tháo gỡ vướng mắc, khó khăn cho chủ đầu tư, đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án; xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật đối với trường hợp vi phạm; quyết liệt xử lý dứt điểm dự án vốn ngoài ngân sách sử dụng đất công nhưng không triển khai hoặc triển khai chậm tiến độ, truy thu tiền sử dụng đất theo đúng quy định của nhà nước.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan khẩn trương báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình cơ quan có thẩm quyền phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư phát triển đã được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định trong dự toán đầu năm 2025 nhưng chưa giao chi tiết cơ quan, đơn vị thực hiện.

13. Giao Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường đẩy nhanh tiến độ tham mưu, xác định, trình thẩm định, phê duyệt phương án đấu giá, giá đất cụ thể của các dự án sử dụng đất đã được giao đất để có căn cứ xác định tiền thuê đất, tiền sử dụng đất kịp thời theo quy định; tiếp tục triển khai công tác đấu giá các thửa đất/khu đất được giao theo phân cấp quản lý, việc xác định giá khởi điểm cần rà soát lại cho phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương và theo đúng các quy định hiện hành. Đối với lĩnh vực tài nguyên, khoáng sản cần tăng cường công tác kiểm tra hoạt động khai thác khoáng sản (đá, cát, vật liệu san lấp,...), đặc biệt là hoạt động khai thác cát trên địa bàn các huyện Cư Jút, Krông Nô; kịp thời phát hiện và kiên quyết xử lý nghiêm theo quy định đối với các doanh nghiệp khai thác vượt mức, vượt khối lượng được cấp phép; đồng thời, làm rõ nguyên nhân tình trạng cát khan hiếm trong thời gian vừa qua để có hướng khắc phục.

14. Giao Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Đắk Nông chỉ đạo tổ chức thực hiện nghiêm các quy định của các Luật Thuế, Luật Quản lý thuế và pháp luật có liên quan, tăng cường công tác quản lý thu phù hợp với từng lĩnh vực, địa bàn, đối tượng thu; tăng cường công tác quản lý và hỗ trợ người nộp thuế; thực hiện rà soát, đánh giá phân loại nợ thuế, tập trung đôn đốc, cưỡng chế thu ngay các

khoản nợ thuế, tiền chậm nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định; tiếp tục vận động các doanh nghiệp hoạt động xây dựng cơ bản vãng lai (có trụ sở chính tại các địa phương khác) thực hiện mở chi nhánh, kê khai nộp thuế trên địa bàn tỉnh; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra thuế, kiểm tra sau thông quan, công tác phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại, tập trung vào những doanh nghiệp, lĩnh vực, mặt hàng trọng điểm có rủi ro cao, hoạt động tài chính, ngân hàng, kinh doanh bất động sản, kinh doanh trên nền tảng số,...

15. Giao Giám đốc Kho bạc Nhà nước Đắk Nông hướng dẫn, triển khai thực hiện cơ chế ủy nhiệm thu thuế giá trị gia tăng của các công trình xây dựng cơ bản trên địa bàn khi thực hiện thanh toán vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước; thực hiện kiểm soát chi chặt chẽ bảo đảm theo đúng mục đích, tiêu chuẩn, định mức, chế độ quy định và tiến độ, khối lượng thực hiện nhiệm vụ của đơn vị sử dụng ngân sách.

16. Giao Giám đốc Ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh Đắk Nông tiếp tục chỉ đạo các tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho các doanh nghiệp, người dân vay vốn để sản xuất kinh doanh; đẩy mạnh thực hiện tốt Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 theo ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý thuế, chống thất thu ngân sách nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Đắk Nông; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, cơ quan khác ở địa phương; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, HCQT, KT (TT).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Hồ Văn Mười

PHỤ LỤC SỐ 01

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1509/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Số tiền
	TỔNG THU NSNN (I+II)	3.350.000
I	Thu nội địa	3.156.000
1	Thu từ khu vực DNNN do trung ương quản lý	563.000
-	Thuế giá trị gia tăng	237.000
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	25.000
-	Thuế tài nguyên	301.000
	<i>Trong đó: Thu từ thủy điện và khoáng sản bô xít</i>	<i>288.250</i>
2	Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý	18.000
-	Thuế giá trị gia tăng	7.600
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.000
-	Thuế tài nguyên	400
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	110.000
-	Thuế giá trị gia tăng	66.000
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	44.000
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	707.000
-	Thuế giá trị gia tăng	450.500
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	108.200
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	1.800
-	Thuế tài nguyên	146.500
	<i>Trong đó: Thu từ thủy điện</i>	<i>125.600</i>
5	Thuế thu nhập cá nhân	275.000
6	Thuế bảo vệ môi trường	245.000
-	Thu từ hàng hóa nhập khẩu	98.000
-	Thu từ hàng hóa sản xuất trong nước	147.000
7	Lệ phí trước bạ	191.000
8	Thu phí, lệ phí	175.000
-	Phí và lệ phí trung ương	18.630
-	Phí và lệ phí tỉnh	136.347
-	Phí và lệ phí huyện, xã	20.023
	<i>Trong đó: Phí Bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản</i>	<i>120.740</i>
9	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	700
10	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	24.000
	<i>Trong đó: Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cho thuê</i>	<i>22.200</i>
11	Thu tiền sử dụng đất	600.000
	<i>Trong đó: Thu từ các dự án, công trình do cấp tỉnh đầu tư hoặc quản lý</i>	<i>140.000</i>
12	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	42.000
-	Thuế giá trị gia tăng	18.000
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	23.000

STT	Nội dung	Số tiền
-	Thu từ các quỹ của doanh nghiệp xổ số kiến thiết	1.000
13	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	90.000
-	Giấy phép do Trung ương cấp	72.600
-	Giấy phép do Ủy ban nhân dân tỉnh cấp	17.400
	<i>Trong đó: Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản do cấp tỉnh thực hiện đối với tài nguyên nước</i>	4.274
14	Thu khác ngân sách	115.000
-	Thu khác ngân sách Trung ương	70.000
-	Thu khác ngân sách cấp tỉnh	27.110
-	Thu khác ngân sách huyện, xã	17.890
15	Thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế	300
II	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	194.000
1	Thuế giá trị gia tăng	71.000
2	Thuế xuất khẩu	95.000
3	Thuế nhập khẩu	28.000

PHỤ LỤC SỐ 02**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số 1509/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Số tiền
A	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	10.897.582
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	7.823.992
1	Chi đầu tư phát triển (1)	1.298.353
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	607.553
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	600.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	42.000
d	Chi từ nguồn bội chi ngân sách địa phương (2)	48.800
2	Chi thường xuyên (3)	6.159.985
	<i>Trong đó:</i>	
-	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	3.004.383
-	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	17.850
3	Chi trả nợ lãi các khoản vay	3.200
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000
5	Dự phòng ngân sách	163.893
6	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	197.561
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ Ngân sách trung ương để thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình mục tiêu và nhiệm vụ khác	3.073.590
1	Chi thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia	523.984
a	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	162.310
b	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	80.549
c	Chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	281.125
2	Chi đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	1.886.199
a	Vốn ngoài nước	248.199
b	Vốn trong nước	1.638.000
3	Chi từ nguồn hỗ trợ vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định	663.407
a	Vốn ngoài nước	8.288
b	Vốn trong nước	655.119
B	BỘI CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	48.800
C	TỔNG MỨC VAY TRONG NĂM	61.400
1	Vay để bù đắp bội chi	48.800
2	Vay để trả nợ gốc	12.600

Ghi chú:

(1) Đã bao gồm 48.800 triệu đồng từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại để thực hiện các chương trình, dự án. Khi thực hiện phân bổ vốn đầu tư phát triển, phải dành nguồn để chi trả nợ gốc đến hạn với số tiền là 12.600 triệu đồng.

(2) Bội chi ngân sách địa phương là vốn vay từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại để chi đầu tư.

(3) Đã bao gồm 10% tiết kiệm chi thường xuyên năm 2025 để thực hiện CCTL theo số liệu Bộ Tài chính giao.

PHỤ LỤC SỐ 03

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1509/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán
A	TỔNG CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH (I+II)	9.565.370
I	Chi ngân sách cấp tỉnh theo từng lĩnh vực	5.179.685
1	Chi đầu tư phát triển (1)	2.631.445
1.1	Chi đầu tư cho các dự án	2.616.445
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	47.455
-	Chi khoa học và công nghệ	13.000
-	Chi quốc phòng	4.735
-	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	918
-	Chi y tế, dân số và gia đình	297.282
-	Chi văn hóa thông tin	24.016
-	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	17.038
-	Chi thể dục thể thao	28.890
-	Chi các hoạt động kinh tế	2.121.344
-	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	33.166
-	Chi bảo đảm xã hội	2.399
-	Chi đầu tư khác	26.202
1.2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật	1.000
1.3	Chi đầu tư phát triển khác (trích đo đạc, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai, lập hồ sơ địa chính từ nguồn thu tiền sử dụng đất)	14.000
2	Chi thường xuyên	2.265.466
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	578.269
-	Chi khoa học và công nghệ	16.450
-	Chi quốc phòng	61.829
-	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	22.313
-	Chi y tế, dân số và gia đình	385.939
-	Chi văn hóa thông tin	69.218
-	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	37.352
-	Chi thể dục thể thao	7.523
-	Chi bảo vệ môi trường	25.495
-	Chi các hoạt động kinh tế	375.745
-	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	614.213
-	Chi bảo đảm xã hội	56.190
-	Chi thường xuyên khác	14.930
3	Chi trả nợ lãi các khoản vay	3.200
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000
5	Dự phòng ngân sách	81.826
6	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	196.748
II	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới	4.385.685
1	Bổ sung cân đối ngân sách	2.356.695
2	Bổ sung để thực hiện các chính sách tiền lương theo quy định	1.095.473
3	Bổ sung có mục tiêu để thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình mục tiêu và nhiệm vụ khác	933.517
B	BỘI CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH	48.800
C	TỔNG MỨC VAY TRONG NĂM CỦA NGÂN SÁCH CẤP TỈNH	61.400
1	Vay để bù đắp bội chi	48.800
2	Vay để trả nợ gốc	12.600

Ghi chú:

(1) Đã bao gồm 48.800 triệu đồng từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại để thực hiện các chương trình, dự án; Chi trả nợ gốc vay đến hạn với số tiền là 12.600 triệu đồng.

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 CHI TIẾT GIAO CHO CÁC ĐƠN VỊ CẤP TỈNH
(Kèm theo Quyết định số 1509/QĐ-UBND ngày 11/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Tên đơn vị/ Nội dung	Tổng chi	DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NĂM 2025											
			QLHC	Giáo dục đào tạo	Y tế	VHTT	Xã hội	KHCN	PTTH	TDTT	Môi trường	Kinh tế	ANQP	Chi khác
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	Tổng cộng	2.265.466	614.213	578.269	385.939	69.218	56.190	16.450	37.352	7.523	25.495	375.745	84.142	14.930
1	Văn phòng Tỉnh ủy	145.430	115.634	316	4.000	25.480								
a	Lương và chi khác theo quy định	59.469	54.842			4.627								
-	Lương và chi khác theo quy định của quản lý hành chính	54.842	54.842											
-	NSNN hỗ trợ chi thường xuyên cho đơn vị sự nghiệp công lập	4.627				4.627								
b	Chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo quy định	85.961	60.792	316	4.000	20.853								
-	Đào tạo theo định mức	181		181										
-	Chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP của Chính phủ	2.389	2.389											
-	Hỗ trợ tiền lương, tiền công lao động và chi hoạt động cho các đối tượng hợp đồng lao động làm công việc hỗ trợ, phục vụ	2.250	2.250											
-	Đảm bảo chế độ, chính sách cho lái xe phục vụ Bí thư Tỉnh ủy	222	222											
-	Phụ cấp dân quân tự vệ	132	132											
-	Kinh phí hoạt động của chi bộ cơ sở trong các doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước theo Quyết định số 99-QĐ/TW	75	75											
-	Chế độ theo Quy định số 09-QĐ/VPTW	4.163	4.163											
-	Chế độ theo Quy định số 169-QĐ/TW	1.036	1.036											
-	Tiền ăn, trang phục của cơ yếu, bồi dưỡng hiện vật	174	174											
-	Phụ cấp kiêm nhiệm ngành của Ban BVCSSK	154	154											
-	Chế độ theo Hướng dẫn 06-HD/BTCTW-BTGTW	449	449											
-	Hỗ trợ hoạt động đại biểu Hội đồng nhân dân	60	60											
-	Trao tặng Huy hiệu Đảng, khen thưởng	3.431	3.431											
-	Thông tin nội bộ, Thông tin cơ sở	1.145	1.145											
-	Cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh"	135		135										
-	Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	4.000			4.000									
-	Trợ giá bảo	20.836				20.836								
-	Thăm, tặng quà các cơ quan, đơn vị, cá nhân và gia đình chính sách nhân dịp tết Nguyên đán	129	112			17								
-	Thực hiện các nhiệm vụ, kế hoạch, đề án, chương trình công tác; mua sắm, sửa chữa tài sản công ngoài nhiệm vụ chuyên môn thường xuyên theo chức năng và được cấp có thẩm quyền giao (Văn phòng Tỉnh ủy thực hiện phân bổ theo Kết luận của Thường trực Tỉnh ủy)	32.000	32.000											
-	Tổ chức Đại hội Đảng nhiệm kỳ 2025-2030 (bao gồm Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Đắk Nông; Đại hội Đảng bộ Khối các cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh)	13.000	13.000											
2	Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh	10.296	10.276	20										
a	Lương và chi khác theo quy định	6.358	6.358											
b	Chế độ, chính sách theo quy định	3.938	3.918	20										
-	Hỗ trợ tiền lương, tiền công lao động và chi hoạt động cho các đối tượng hợp đồng lao động làm công việc hỗ trợ, phục vụ	360	360											
-	Đào tạo theo định mức	20		20										
-	Phụ cấp dân quân tự vệ	20	20											
-	Hỗ trợ hoạt động tiếp xúc cử tri	10	10											
-	Hỗ trợ hoạt động đại biểu Hội đồng nhân dân	10	10											
-	Sinh hoạt phí của Ủy viên Ủy ban MTTQ không hưởng lương theo Quyết định số 33/2014/QĐ-TTg	78	78											
-	Đảm bảo hoạt động giám sát, phân biệt xã hội theo NQ 29/2019/NQ-HDND	400	400											

STT	Tên đơn vị Nội dung	Tổng chi	DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NĂM 2025													
			QLHC	Giáo dục đào tạo	Y tế	VHTT	Xã hội	KHCN	PTTH	TDĐT	Môi trường	Kinh tế	ANQP	Chi khác		
-	Chế độ theo Quyết định số 04/2024/QĐ-TTg ngày 22/3/2024 (thay thế Quyết định số 76/2013/QĐ-TTg)	130	130													
-	Tập huấn cốt cán phong trào trong Tôn giáo	180	180													
-	Tập huấn tuyên truyền hỗ trợ người dân tiếp cận pháp luật	150	150													
-	Hỗ trợ hoạt động quản lý Quỹ vì người nghèo	60	60													
-	Tuyên truyền vận động nhân dân vùng biên giới trong công tác bảo vệ an ninh biên giới trên địa bàn tỉnh.	130	130													
-	Tuyên truyền, phổ biến pháp luật tại các xã xảy ra điểm nóng trên địa bàn tỉnh	130	130													
-	Mua sắm trang bị, thiết bị PCCC theo Thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020	40	40													
-	Đề án Phát động "Toàn dân tham gia phòng ngừa tổ giặc vi phạm pháp luật trong quản lý, bảo vệ, phát triển rừng, quản lý đất đai và quản lý khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Đắk Nông"	190	190													
-	Tuyên truyền cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam"	140	140													
-	Thông tin công tác Mật trận tỉnh (4 số/năm)	150	150													
-	Đề án "Đổi mới thông tin tuyên truyền của Mật trận Tổ quốc Việt Nam"	110	110													
-	Chuyển mục "Đại đoàn kết toàn dân"	190	190													
-	Thực hiện cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh"	140	140													
-	Thăm, tặng quà nhân dịp tết Nguyên đán theo Nghị quyết HDND tỉnh	14	14													
-	Hoạt động đối ngoại với tỉnh Monduliri Campuchia	166	166													
-	Tập huấn quán triệt Nghị quyết Đại hội MTTQ 2024-2029 (Đối tượng: Phó chủ tịch Mật trận, Trưởng phó Ban công tác Mật trận, Ban giám sát đầu tư cộng đồng cấp cơ sở)	134	134													
-	Dự Đại hội thi đua yêu nước toàn quốc lần thứ XI	70	70													
-	Hỗ trợ cho các khu dân cư tổ chức ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc điểm theo Chủ trương của Tỉnh Ủy	80	80													
-	Tổ chức Hội thi "Trường ban công tác Mật trận" giới lần thứ IV, năm 2025	70	70													
-	Chỉnh lý tài liệu	90	90													
-	Chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP của Chính phủ	276	276													
-	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (bao gồm nguồn vốn Trung ương bổ sung có mục tiêu và vốn đối ứng của ngân sách tỉnh)	400	400													
+	Nội dung thành phần số 09: Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của Mật trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới	400	400													
++	Nội dung 01: Tiếp tục tổ chức triển khai Cuộc vận động "toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh"; nâng cao hiệu quả thực hiện công tác giám sát và phản biện xã hội trong xây dựng nông thôn mới	400	400													
3	Hội Cựu chiến binh tỉnh	5.696	5.686	10												
a	Lương và chi khác theo quy định	2.596	2.596													
b	Chế độ, chính sách theo quy định	3.100	3.090	10												
-	Hỗ trợ tiền lương, tiền công lao động và chi hoạt động cho các đối tượng hợp đồng lao động làm công việc hỗ trợ, phục vụ	270	270													
-	Đào tạo theo định mức	10		10												
-	Phát hành Cuốn thông tin Cựu Chiến binh (01 quý/số * 4 quý)	210	210													
-	Thăm, tặng quà nhân dịp tết Nguyên đán theo Nghị quyết HDND tỉnh	7	7													
-	Tổ chức chương trình gặp mặt truyền thống CCB tham gia kháng chiến chống Mỹ, nhân kỷ niệm 50 năm giải phóng miền nam thống nhất nước nước (30/4/1975-30/4/2025).	400	400													
-	Tổ chức chương trình tuyên dương hội viên CCB tiêu biểu trong học tập và làm theo tư tưởng đạo đức, phong cách HCM, lập thành tích chào mừng đại hội Đảng bộ các cấp, nhiệm kỳ 2025 - 2030	210	210													
-	Tổ chức hội thi cán bộ chi hội CCB giỏi tỉnh Đắk Nông lần thứ II	165	165													
-	Sửa chữa trụ sở Hội Cựu chiến binh (đã có chủ trương và báo cáo KTKT được phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền theo Thông tư số 65/2021/TT-BTC)	1.680	1.680													

STT	Tên đơn vị/ Nội dung	Tổng chi	DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NĂM 2025													
			QLHC	Giáo dục đào tạo	Y tế	VHTT	Xã hội	KHCN	PTTH	TDTT	Môi trường	Kinh tế	ANQP	Chi khác		
-	Hỗ trợ mua vật dụng để che cửa chống nắng cơ quan	34	34													
-	Chế độ tiền thường theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP của Chính phủ	114	114													
4	Hội Nông dân tỉnh	7.467	6.184	357												
a	Lương và chi khác theo quy định	5.438	4.945													926
-	Lương và chi khác theo quy định	4.945	4.945													493
-	NSNN hỗ trợ/cấp chi thường xuyên cho đơn vị sự nghiệp công lập	493														493
b	Chế độ, chính sách theo quy định	2.029	1.239	357												433
-	Đào tạo theo định mức	17		17												
-	Hỗ trợ tiền lương, tiền công lao động và chi hoạt động cho các đối tượng hợp đồng lao động làm công việc hỗ trợ, phục vụ	270	270													
-	Phụ cấp dân quân tự vệ	17	17													
-	Hỗ trợ hoạt động đại biểu Hội đồng nhân dân	10	10													
-	Hỗ trợ hoạt động của Ban chỉ đạo thực hiện Quyết định số 81/2014/QĐ-TTg	15	15													
-	Hỗ trợ hoạt động cho Ban chỉ đạo 61	15	15													
-	Bản tin Hội Nông dân	135	135													
-	Thăm, tặng quà nhân dịp tết Nguyên đán theo Nghị quyết HĐND tỉnh	12	10													2
-	Tập huấn kiến thức, kỹ năng xây dựng nhãn hiệu hàng hóa	60		60												
-	Tập huấn tuyên truyền Luật đất đai năm 2025	90		90												
-	Tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ công tác Hội cho cán bộ Hội cấp cơ sở năm 2025	60		60												
-	Kế hoạch Phổ biến Luật và tập huấn kỹ năng tuyên truyền vận động, phát triển hội viên, nông dân tham gia BHXH tự nguyện, BHYT hộ gia đình cho cán bộ, HVND trên địa bàn tỉnh năm 2025	90		90												
-	Tập huấn nâng cao kiến thức và kỹ năng tuyên truyền, vận động, tư vấn, hỗ trợ nông dân phát triển kinh tế tập thể	40		40												
-	Tổ chức Hội nghị điển hình tiên tiến Hội Nông dân tỉnh Đắk Nông lần thứ V, giai đoạn 2020 - 2025, và đưa Đoàn đại biểu đi Hà Nội tham dự Đại hội thi đua yêu nước Hội Nông dân Việt Nam lần thứ VI (2020 - 2025)	200	200													
-	Tổ chức các hoạt động kỷ niệm 95 năm ngày thành lập Hội Nông dân Việt Nam (14/10/1930-14/10/2025)	165	165													
-	Hội nghị Chủ tịch UBND tỉnh đối thoại với nông dân năm 2025.	190	190													
-	Tổ chức đưa cán bộ, nông dân sản xuất kinh doanh giỏi đi học tập mô hình tổ chức sản xuất, kinh doanh, mô hình sản xuất công nghệ cao, mô hình kinh tế hiệu quả tại các tỉnh phía nam	85														85
-	Xây dựng mô hình nuôi tằm thương phẩm tại huyện Tuy Đức	97														97
-	Xây dựng mô hình nuôi lươn trong bể tại huyện Cư Jut	165														165
-	Tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ Hợp tác xã nông nghiệp	55														55
-	Chế độ tiền thường theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	241	212													29
5	Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh	8.530	8.031	299												
a	Lương và chi khác theo quy định	5.601	5.601													
b	Chế độ, chính sách theo quy định	2.929	2.430	299												
-	Hỗ trợ tiền lương, tiền công lao động và chi hoạt động cho các đối tượng hợp đồng lao động làm công việc hỗ trợ, phục vụ	270	270													
-	Đào tạo theo định mức	19		19												
-	Phụ cấp dân quân tự vệ	17	17													
-	Hỗ trợ hoạt động đại biểu Hội đồng nhân dân	10	10													
-	Đề án 1893 "Bồi dưỡng cán bộ, công chức Hội LHPN các cấp và Chi hội trưởng phụ nữ giai đoạn 2019-2025"	280		280												
-	Điều tra, nắm bắt dư luận xã hội theo Hướng dẫn số 167-HD/BTGTW ngày 26/12/2015	18	18													
-	Bảo đảm hoạt động giám sát, phản biện xã hội theo Nghị quyết số 29/2019/NQ-HĐND	13	13													



STT	Tên đơn vị/ Nội dung	Tổng chi	DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NĂM 2025												
			QLHC	Giáo dục đào tạo	Y tế	VHTT	Xã hội	KHCN	PTTH	TDTT	Môi trường	Kinh tế	ANQP	Chi khác	
-	Đề án 938 "Tuyên truyền, giáo dục, vận động phụ nữ tham gia giải quyết các vấn đề xã hội liên quan đến phụ nữ trong giai đoạn 2017-2027"	245	245												
-	Đề án 939 "Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017-2025"	130	130												
-	Thực hiện Nghị quyết số 18/NQ-BCH ngày 08/01/2021 của Ban Chấp hành Trung ương Hội về hỗ trợ phụ nữ hội nhập quốc tế đến năm 2030	180	180												
-	Chuyên mục "Phụ nữ và cuộc sống"	252	252												
-	Tổ chức phong trào thi đua "Xây dựng người phụ nữ Đăk Nông thời đại mới"	117	117												
-	Thăm, tặng quà nhân dịp Tết Nguyên đán theo Nghị quyết HĐND tỉnh	13	13												
-	Thực hiện Đề án 01 "Hỗ trợ hợp tác xã do phụ nữ tham gia quản lý, tạo việc làm cho lao động nữ"	38	38												
-	Tổ chức triển khai các hoạt động thực hiện khẩu độ phá "Đổi mới phương thức hoạt động Hội, trọng tâm là ứng dụng công nghệ thông tin" năm 2024	124	124												
-	Tổ chức Hội nghị điển hình tiên tiến lần thứ V, giai đoạn 2020-2025	151	151												
-	Thực hiện chuỗi hoạt động kỷ niệm 95 năm thành lập Hội LHPN Việt Nam (bao gồm: Lễ kỷ niệm và Hội nghị gặp mặt Ủy viên Ban Chấp hành Hội LHPN tỉnh qua các thời kỳ)	250	250												
-	Thực hiện "Chương trình đồng hành cùng phụ nữ biên cương giai đoạn 2021-2025"	115	115												
-	Phối hợp thực hiện Chương trình "Xuân biên phòng - Ấm lòng dân bản" nhân dịp Tết Nguyên đán Ất Ty	26	26												
-	Thực hiện Hội nghị biểu dương Chi hội trưởng tiêu biểu giai đoạn 2021-2025	166	166												
-	Thực hiện Hội thảo chuyên đề "Giải pháp bồi dưỡng, giới thiệu phát triển Đảng trong lực lượng Chi hội trưởng"	70	70												
-	Chế độ tiền thường theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP của Chính phủ	225	225												
-	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (bao gồm nguồn vốn Trung ương bổ sung có mục tiêu và vốn đối ứng của ngân sách tỉnh)	200						200							
+	Nội dung thành phần số 09: Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới	200						200							
++	Nội dung số 05: Vun đắp, giữ gìn giá trị tốt đẹp và phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam, thực hiện cuộc vận động xây dựng gia đình 5 không 3 sạch	200						200							
6	Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh	9.501	7.377	22			2.102								
a	Lương và chi khác theo quy định	5.666	5.096				570								
-	Lương và chi khác theo quy định	5.096	5.096												
-	NSNN hỗ trợ chi thường xuyên cho đơn vị sự nghiệp công lập	570					570								
b	Chế độ, chính sách theo quy định	3.835	2.281	22			1.532								
-	Đào tạo theo định mức	22		22											
-	Hỗ trợ tiền lương, tiền công lao động và chi hoạt động cho các đối tượng hợp đồng lao động làm công việc hỗ trợ, phục vụ	360	360												
-	Phụ cấp dân quân tự vệ	29	29												
-	Thực hiện chuyên mục "Thanh niên khởi nghiệp"	107	107												
-	Thực hiện chuyên mục "Truyền hình thanh niên"	130	130												
-	Tổ chức Chiến dịch Thanh niên tình nguyện hè tỉnh Đăk Nông năm 2025	200	200												
-	Tập huấn, bồi dưỡng cho cán bộ Đoàn - Hội - Đội	150	150												
-	Hỗ trợ kinh phí hoạt động và triển khai các nhiệm vụ Hội LH TN Việt Nam tỉnh; Đội TNTP Hồ Chí Minh tỉnh	80	80												
-	Hỗ trợ kinh phí Giao ban công tác Đoàn và phong trào thanh thiếu nhi Cụm Tây Nguyên 6 tháng đầu năm 2025 và cuối năm 2025 (5 tỉnh Tây Nguyên)	55						55							
-	Hỗ trợ kinh phí Hội thi Phụ trách sao giới cấp tỉnh; Liên hoan các đội tuyên truyền măng non về Luật trẻ em tỉnh Đăk Nông năm 2025.	36							36						
-	Hỗ trợ kinh phí Hội thi Bí thư Đoàn cơ sở giới tỉnh Đăk Nông lần thứ II, năm 2025	33								33					
-	Hỗ trợ kinh phí Lễ phát động tháng thanh niên năm 2025	39								39					

STT	Tên đơn vị/ Nội dung	Tổng chi	DỰ TOÁN CHI THUỞNG XUYỀN NĂM 2025												
			QLHC	Giáo dục đào tạo	Y tế	VHTT	Xã hội	KHCN	PTTH	TDTT	Môi trường	Kinh tế	ANQP	Chi khác	
-	Hỗ trợ kinh phí Lễ Tổng kết hoạt động hè dành cho các lớp năng khiếu tại Trung tâm năm 2025	20				20									
-	Hỗ trợ kinh phí tập huấn phòng chống tai nạn thương tích và đuối nước cho trẻ em năm 2025 tại các huyện, thành phố	55				55									
-	Hỗ trợ kinh phí tham gia Liên hoan "phụ trách tài năng" các cung, nhà thiếu nhi, TT hoạt động TTN khu vực phía Nam	35				35									
-	Hỗ trợ kinh phí tổ chức Hội thi Tin học trẻ tỉnh Đắk Nông lần thứ XVII, năm 2025	94				94									
-	Hỗ trợ kinh phí tổ chức Ngày hội thanh niên Công nhân năm 2025 và Tổ chức chuỗi hoạt động chào mừng kỷ niệm 50 năm ngày Giải phóng hoàn toàn Miền Nam thống nhất đất nước và Quốc tế lao động ngày 01/5	22				22									
-	Hỗ trợ kinh phí tổ chức Các hoạt động chăm lo Tết cho thanh niên công nhân, người lao động nhân dịp Tết Ất Tỵ 2025	29				29									
-	Hỗ trợ kinh phí tổ chức Ngày hội thanh niên dân tộc thiểu số, tuyên dương gia đình trẻ ấm no hạnh phúc, Tuyên dương tòa sáng nghị lực việt	27				27									
-	Hỗ trợ kinh phí tổ chức tuyên dương thanh niên tiên tiến làm theo lời Bác giai đoạn 2023 - 2025 và Tổ chức tuyên dương đảng viên trẻ tiêu biểu tỉnh Đắk Nông năm 2025 nhân dịp kỷ niệm 135 năm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5/1890-19/5/2025) và chào mừng Đại hội Đảng các cấp nhiệm kỳ 2025 - 2030.	45				45									
-	Hỗ trợ kinh phí tổ chức Cuộc thi tìm hiểu 80 năm cách mạng tháng Tám thành công và Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	22				22									
-	Hỗ trợ kinh phí tổ chức hoạt động hưởng ứng ngày sách và văn hoá đọc năm 2025	20				20									
-	Hỗ trợ kinh phí tổ chức các hoạt động Tuần "Đền ơn đáp nghĩa" và Lễ thấp nền tri ân các anh hùng liệt sỹ ngày 27/7	53				53									
-	Hỗ trợ kinh phí tổ chức hoạt động hưởng ứng Ngày Pháp luật Việt Nam năm 2025	18				18									
-	Hỗ trợ kinh phí tổ chức Liên hoan các nhóm nhảy hiện đại khối các trường THPT, Trung cấp, Cao đẳng tỉnh Đắk Nông năm 2025	35				35									
-	Hỗ trợ kinh phí tổ chức Ngày Hội thiếu nhi vui khỏe - Tiến bước lên đoàn tỉnh Đắk Nông	18				18									
-	Hỗ trợ kinh phí tổ chức Cuộc thi tìm hiểu lịch sử "Em yêu lịch sử Việt Nam" chào mừng kỷ niệm 50 năm Ngày giải phóng miền nam (30/4/1975-30/4/2025)	21				21									
-	Hỗ trợ kinh phí tổ chức Ngày cao điểm chiến sĩ tình nguyện vì dân em thân yêu và hưởng ứng tháng hành động vì trẻ em năm 2025	18				18									
-	Hỗ trợ kinh phí thành lập Hội đồng trẻ em cấp tỉnh	28				28									
-	Hỗ trợ kinh phí tuyên dương học sinh 3 tốt, học sinh 3 rèn luyện, sinh viên 5 tốt, giáo viên trẻ tiêu biểu tỉnh Đắk Nông năm học 2024-2025	47				47									
-	Hỗ trợ kinh phí tổ chức Cuộc thi Olympic tiếng anh cho học sinh sinh viên năm 2025	26				26									
-	Hỗ trợ kinh phí tổ chức Chương trình Ngày đoàn viên và Lễ kỷ niệm 94 năm ngày thành lập Đoàn TNCS Hồ Chí Minh (26/3/1931 - 26/3/2025)	16				16									
-	Hỗ trợ kinh phí tổ chức gặp mặt, tặng quà Cựu Thanh niên xung phong có hoàn cảnh khó khăn nhân kỷ niệm 75 năm Ngày truyền thống lực lượng Thanh niên xung phong Việt Nam (15/7/1950 - 15/7/2025) và 78 năm Ngày Thương binh liệt sỹ (27/7/1947 - 27/7/2025)	18				18									
-	Hỗ trợ kinh phí tổ chức Tuần văn hóa thể thao thanh thiếu nhi các dân tộc tỉnh Đắk Nông lần thứ XV năm 2025	37				37									
-	Hỗ trợ kinh phí tổ chức ngày Quốc tế thiếu nhi 1/6	17				17									
-	Hỗ trợ kinh phí tổ chức tập huấn và tham gia trại Nguyễn Chí Thanh	84				84									
-	Hỗ trợ kinh phí tổ chức chương trình Tết trung thu cho thiếu nhi năm 2025	32				32									
-	Thăm, tặng quà nhân dịp tết Nguyên đán theo Nghị quyết HDND tỉnh	16	14			2									
-	Sua chữa Phòng Hội trường - trụ sở làm việc Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	490	490												
-	Tổ chức Đại hội cháu ngoan Bác Hồ tỉnh Đắk Nông năm 2025	250				250									
-	Liên hoan Búp sen Hồng khu vực phía nam tại tỉnh Đồng Nai năm 2025	130				130									
-	Viết lịch sử Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2004-2024	150				150									

STT	Tên đơn vị/ Nội dung	Tổng chi	DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NĂM 2025													
			QLHC	Giáo dục đào tạo	Y tế	VHTT	Xã hội	KHCN	PTTH	TDTT	Môi trường	Kinh tế	ANQP	Chi khác		
-	Chế độ tiền thưởng	221	221													
-	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (bao gồm nguồn vốn Trung ương bổ sung có mục tiêu và vốn đối ứng của ngân sách tỉnh)	500	500													
+	Nội dung thành phần số 09: Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới	500	500													
++	Nội dung 04: Thúc đẩy chương trình khởi nghiệp, thanh niên làm kinh tế; triển khai hiệu quả Chương trình tri thức trẻ tình nguyện tham gia xây dựng nông thôn mới	500	500													
7	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	24.223	24.189	34												
a	Lương và chi khác theo quy định	10.575	10.575													
b	Chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo quy định	13.648	13.614	34												
-	Đào tạo theo định mức	34		34												
-	Hỗ trợ tiền lương, tiền công lao động và chi hoạt động cho các đối tượng hợp đồng lao động làm công việc hỗ trợ, phục vụ	810	810													
-	Phụ cấp và trang phục dân quân tự vệ	28	28													
-	Chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	538	538													
-	Thăm, tặng quà nhân dịp tết Nguyên đán theo Nghị quyết của HĐND tỉnh	26	26													
-	Hoạt động phi đại biểu HĐND tỉnh	674	674													
-	Kinh phí hoạt động của HĐND tỉnh (bao gồm chế độ cho đại biểu không hưởng lương ngân sách) theo Nghị quyết 29/2016/NQ-HĐND và Nghị quyết 07/2021/NQ-HĐND	6.548	6.548													
-	Hỗ trợ các hoạt động của Đoàn ĐBQH tỉnh (ngoài phần ngân sách trung ương đảm bảo)	620	620													
-	Kinh phí hoạt động đặc thù	4.090	4.090													
-	Duy trì cây xanh khu vực trụ sở làm việc	100	100													
-	Thực hiện chuyên mục Đại biểu dân cử với cử tri	180	180													
8	Văn phòng UBND tỉnh	44.938	38.065	82			590							6.201		
a	Lương và chi khác theo quy định	21.053	18.611											2.442		
-	Lương và chi khác theo quy định của quản lý nhà nước	18.611	18.611													
-	NSNN hỗ trợ/cấp chi thường xuyên cho đơn vị sự nghiệp công lập	2.442												2.442		
b	Chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo quy định	23.885	19.454	82			590							3.759		
-	Đào tạo theo định mức	82		82												
-	Phụ cấp dân quân tự vệ	17	17													
-	Thăm, tặng quà nhân dịp tết Nguyên đán theo Nghị quyết của HĐND tỉnh	60	44											16		
-	Hỗ trợ hoạt động đại biểu Hội đồng nhân dân	30	30													
-	Chế độ tiếp công dân và hỗ trợ các khoản chi phí phục vụ tại Trụ sở Ban Tiếp công dân tỉnh	200	200													
-	Kinh phí thực hiện công báo	23	23													
-	Kiểm soát thủ tục hành chính	150	150													
-	Hỗ trợ tiền lương, tiền công lao động và chi hoạt động cho các đối tượng hợp đồng lao động làm công việc hỗ trợ, phục vụ	1.530	1.530													
-	Chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	1.118	975											143		
-	Sửa chữa, chỉnh trang Trung tâm Hội nghị tỉnh (đã có chủ trương và báo cáo KTKT được phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền theo Thông tư số 65/2021/TT-BTC)	855	855													
-	Sửa chữa Trụ sở làm việc Ban tiếp công dân tỉnh Đắk Nông (đã có chủ trương và báo cáo KTKT được phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền theo Thông tư số 65/2021/TT-BTC)	970	970													
-	Hỗ trợ kinh phí Trung tâm Hành chính công nhận trả hồ sơ ngày thứ 7, chi trả dịch vụ tổng đài điện thoại; chuyển phát hồ sơ cho Trung tâm phục vụ hành chính công; tập huấn nâng cao kỹ năng bộ phận một cửa	500	500													
-	Quản lý, vận hành Trung tâm hội nghị tỉnh	950	950													
-	Hoạt động đặc thù UBND tỉnh	8.000	8.000													
-	Vận động, xúc tiến đầu tư tư chính phủ và thực hiện nhiệm vụ đối ngoại theo chỉ đạo của cơ quan thẩm quyền	3.000	3.000													

STT	Tên đơn vị/ Nội dung	Tổng chi	DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NĂM 2025													
			QLHC	Giáo dục đào tạo	Y tế	VHTT	Xã hội	KHCN	PTTH	TDĐT	Môi trường	Kinh tế	ANQP	Chi khác		
-	Trồng, chăm sóc cây xanh cảnh quan UBND tỉnh	2.210	2.210													
-	Khảo sát, phân tích chi số đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ban ngành và địa phương (DDCI) trên địa bàn tỉnh Đắk Nông	800												800		
-	Thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động phục vụ công tác xúc tiến đầu tư	2.800												2.800		
-	Các hoạt động Quản lý Công viên địa chất Đắk Nông	590				590										
+	Bảo trì nâng cấp website CVĐC	30				30										
+	Đóng phí thành viên thường niên năm 2025 cho Mạng lưới Công viên địa chất toàn cầu	50				50										
+	Nâng cấp App CVĐC và phí duy trì hàng năm	130				130										
+	Tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng trong vùng Công viên địa chất Đắk Nông	280				280										
+	Kiểm tra, đánh giá định kỳ các điểm, tuyến của CVĐC	100				100										
9	Sở Kế hoạch và Đầu tư	13.208	10.616	342				1.000						1.250		
a	Lương và chi khác theo quy định	8.756	8.756													
b	Chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo quy định	4.452	1.860					1.000						1.250		
-	Đào tạo theo định mức	32		32												
-	Chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	438	438													
-	Hỗ trợ tiền lương, tiền công lao động và chi hoạt động cho các đối tượng hợp đồng lao động làm công việc hỗ trợ, phục vụ	360	360													
-	Phụ cấp và trang phục dân quân tự vệ	18	18													
-	Trang phục thanh tra	12	12													
-	Hỗ trợ kinh phí hoạt động cho: Tổ thẩm định giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông đối với các dự án đầu tư sử dụng vốn ngoài ngân sách; Tổ rà soát, kiểm tra các dự án đầu tư ngoài ngân sách; Tổ công tác nâng cao chi số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI); Ban Đổi mới và phát triển doanh nghiệp; Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia; Tổ Điều phối vùng Tây Nguyên	320	320													
-	Thực hiện hợp tác kinh tế - xã hội giữa tỉnh Đắk Nông với các tỉnh ngoài và với các đối tác; thực hiện các nhiệm vụ do Tỉnh ủy, UBND tỉnh ủy quyền thực hiện trong năm	300	300													
-	Thực hiện nhiệm vụ hoạt động quản lý chung trong công tác hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa	40	40													
-	Thăm, tặng quà nhân dịp tết Nguyên đán theo Nghị quyết của HĐND tỉnh	72	72													
-	Hỗ trợ kinh phí tổ chức các hoạt động cá phê doanh nhân	50	50													
-	Tổ chức Hội nghị, hội thảo PCI năm 2025	100	100													
-	Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa	2.560		310				1.000						1.250		
-	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (bao gồm nguồn vốn Trung ương bổ sung có mục tiêu và vốn đối ứng của ngân sách tỉnh)	150	150													
+	Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện chương trình; xây dựng nông thôn mới; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới	150	150													
++	Nội dung 01: Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình; xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá; nhân rộng mô hình giám sát an ninh hiện đại và giám sát của cộng đồng	150	150													
10	Sở Tài chính	13.975	13.936	39												
a	Lương và chi khác theo quy định	11.326	11.326													
b	Chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo quy định	2.649	2.610													
-	Đào tạo theo định mức	39		39												
-	Chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	578	578													
-	Hỗ trợ tiền lương, tiền công lao động và chi hoạt động cho các đối tượng hợp đồng lao động làm công việc hỗ trợ, phục vụ	360	360													
-	Trang phục thanh tra	61	61													
-	Chế độ, chính sách đối với người được giao nhiệm vụ thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành theo Nghị định số 03/2024/NĐ-CP ngày 11/01/2024	21	21													



STT	Tên đơn vị/ Nội dung	Tổng chi	DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NĂM 2025												
			QLHC	Giáo dục đào tạo	Y tế	VHTT	Xã hội	KHCN	PTTH	TDĐT	Môi trường	Kinh tế	ANQP	Chi khác	
-	Phụ cấp và trang phục dân quân tự vệ	29	29												
-	Thăm, tặng quà nhân dịp tết Nguyên đán theo Nghị quyết của HĐND tỉnh	27	27												
-	Kinh phí được trích từ các khoản thu hồi phát hiện qua công tác thanh tra	110	110												
-	Hoạt động của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự	451	451												
-	Thực hiện nhiệm vụ thẩm định giá đất và xác định giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất	407	407												
-	Triển khai thực hiện một số nhiệm vụ: Báo cáo giá cả thị trường tự do; kiểm tra liên ngành về giá; thống kê, kiểm kê tài sản công	166	166												
-	Phục vụ thanh tra, kiểm toán; thực hiện các nhiệm vụ phát sinh theo chỉ đạo của Trung ương và địa phương	300	300												
-	Kinh phí duy trì ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện nhiệm vụ chuyên môn (đã bao gồm kinh phí thuê đường truyền kết nối thông tin Bộ Tài chính, hệ thống máy chủ)	100	100												
11	Thanh tra tỉnh	10.772	10.744	28											
a	Lương và chi khác theo quy định	8.614	8.614												
b	Chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo quy định	2.158	2.130	28											
-	Đào tạo theo định mức	28		28											
-	Hỗ trợ tiền lương, tiền công lao động và chi hoạt động cho các đối tượng hợp đồng lao động làm công việc hỗ trợ, phục vụ	360	360												
-	Phụ cấp và trang phục dân quân tự vệ	28	28												
-	Thăm, tặng quà nhân dịp tết Nguyên đán theo Nghị quyết của HĐND tỉnh	17	17												
-	Hỗ trợ hoạt động đại biểu Hội đồng nhân dân	10	10												
-	Trang phục thanh tra	232	232												
-	Kinh phí được trích từ các khoản thu hồi phát hiện qua công tác thanh tra	889	889												
-	Hỗ trợ kinh phí thực hiện các nhiệm vụ đột xuất theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền (Đã bao gồm kinh phí hỗ trợ cho Đoàn xác minh kê khai tài sản thu nhập)	150	150												
-	Kinh phí phục vụ công tác tuyên truyền Luật Thanh tra, PCTN, KNTC	67	67												
-	Chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	377	377												
12	Sở Y tế	398.401	15.266	1.221	381.914										
a	Lương và chi khác theo quy định	335.734	12.810		322.924										
-	Lương và chi khác theo quy định của quản lý nhà nước	12.810	12.810												
-	NSNN hỗ trợ/cấp chi thường xuyên cho đơn vị sự nghiệp công lập	322.924			322.924										
b	Chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo quy định	62.667	2.456	1.221	58.990										
-	Chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	18.817	653		18.164										
-	Trang phục thanh tra	13	13												
-	Đào tạo theo định mức	1.221		1.221											
-	Hỗ trợ tiền lương, tiền công lao động và chi hoạt động cho các đối tượng hợp đồng lao động làm công việc hỗ trợ, phục vụ	630	630												
-	Phụ cấp dân quân tự vệ	18	18												
-	Hỗ trợ hoạt động đại biểu Hội đồng nhân dân	10	10												
-	Chế độ, chính sách thu hút, đãi ngộ đào tạo phát triển nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh Đắk Nông theo Nghị quyết 08/2024/NQ-HĐND ngày 24/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông	14.757			14.757										
-	Phụ cấp nhân viên y tế thôn bản	6.896			6.896										
-	Phụ cấp cộng tác viên dân số theo Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND	3.099			3.099										
-	Thăm, tặng quà nhân dịp tết Nguyên đán theo Nghị quyết của HĐND tỉnh	1.374	32		1.342										
-	Chi trả cho đối tượng lao động hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ trong các đơn vị sự nghiệp công lập nhóm 4 theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ	1.770			1.770										
-	Kinh phí thuê nhà TYT phường Nghĩa Đức và phường Nghĩa Thành của TTYT thành phố Gia Nghĩa	240			240										
-	Khám, chữa bệnh cấp phát thuốc miễn phí tại tỉnh Mondulkiri - Campuchia	300			300										

STT	Tên đơn vị/ Nội dung	Tổng chi	DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NĂM 2025												
			QLHC	Giáo dục đào tạo	Y tế	VHTT	Xã hội	KHCN	PTTH	TDTT	Môi trường	Kinh tế	ANQP	Chi khác	
-	Vốn đối ứng của địa phương thực hiện các dự án thuộc lĩnh vực y tế: Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn; Dự án "Phát triển mô hình chăm sóc mắt tuyến huyện" tại tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2024 do Quỹ Frened Hollows, Bộ Ngoại giao và Thương mại Úc tài trợ	1.920			1.920										
-	Mua sắm máy chạy thận (10 máy cho TTYT huyện Đắk R'lấp, 10 máy cho TTYT huyện Đắk Mil: Phần còn thiếu so với Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền)	1.906			1.906										
-	Tổ chức các hoạt động do Bộ Y tế phát động theo Kế hoạch số 885/KH-BYT ngày 17/7/2024	100	100												
-	Tổ chức gương điển hình tiên tiến ngành y tế (giai đoạn 2025-2030)	100	100												
-	Hỗ trợ thực hiện các hoạt động của toàn ngành Y tế: nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh chăm sóc sức khỏe nhân dân trên địa bàn tỉnh; thực hiện các hoạt động về ATVSTP trên địa bàn tỉnh; thực hiện đánh giá tiêu chí chất lượng tại các Bệnh viện, TTYT, chất lượng thuốc, mỹ phẩm, lấy mẫu tại cơ sở kinh doanh thuốc, các cơ sở KCB; tham dự các đợt tập huấn chuyên ngành về y tế - dân số.	900	900												
-	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (bao gồm nguồn vốn Trung ương bổ sung có mục tiêu và vốn đối ứng của ngân sách tỉnh)	3.596			3.596										
+	Nội dung thành phần số 05: Nâng cao chất lượng giáo dục, y tế và chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn	3.400			3.400										
++	Nội dung 02: Tăng cường chất lượng dịch vụ của mạng lưới y tế cơ sở đảm bảo chăm sóc sức khỏe toàn dân; đẩy mạnh hệ thống theo dõi và khám chữa bệnh trực tuyến; đảm bảo hiệu quả phòng chống bệnh lây nhiễm, truyền nhiễm; cải thiện sức khỏe, dinh dưỡng của phụ nữ và trẻ em; nâng cao tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế.	3.400			3.400										
+	Nội dung thành phần số 07: Nâng cao chất lượng môi trường, xây dựng mô hình báo vệ môi trường, xây dựng cảnh quan Xanh-sạch-đẹp; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn.	196			196										
++	Nội dung 06: Tăng cường quản lý an toàn thực phẩm tại các cơ sở, hộ gia đình sản xuất, kinh doanh thực phẩm; đảm bảo vệ sinh môi trường tại các cơ sở chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, cải thiện vệ sinh hộ gia đình	196			196										
-	Thực hiện dịch vụ y tế dự phòng và chăm sóc sức khỏe ban đầu	3.274			3.274										
-	Thực hiện dịch vụ khám, chữa bệnh phục hồi chức năng	173			173										
-	Thực hiện dịch vụ kiểm nghiệm, kiểm định	480			480										
-	Thực hiện dịch vụ y tế khác	1.073			1.073										
13	Sở Nội vụ	39.195	35.644	1.573		1.978									
a	Lương và chi khác theo quy định	16.916	15.375			1.541									
-	Lương và chi khác theo quy định	15.375	15.375												
-	NSNN hỗ trợ/cấp chi thường xuyên cho đơn vị sự nghiệp công lập	1.541				1.541									
b	Chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo quy định	22.279	20.269	1.573		437									
-	Đào tạo theo định mức	64		64											
-	Trang phục thanh tra	12	12												
-	Hỗ trợ tiền lương, tiền công lao động và chi hoạt động cho các đối tượng hợp đồng lao động làm công việc hỗ trợ, phục vụ	630	630												
-	Chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	843	766			77									
-	Phụ cấp dân quân tư vệ	18	18												
-	Quỹ thi đua khen thưởng tỉnh	5.000	5.000												
-	Thăm, tặng quà nhân dịp Tết nguyên đán theo Nghị quyết của HĐND tỉnh	44	39			5									
-	Hội nghị đối thoại giữa Chủ tịch UBND tỉnh với thanh niên	70	70												
-	Chuyên mục "Gương Người tốt việc tốt"	300	300												
-	Thực hiện công tác tôn giáo (đã bao gồm kiểm tra liên ngành; thăm hỏi, hỗ trợ, khen thưởng, triển khai thi hành luật tín ngưỡng tôn giáo,...)	1.200	1.200												

STT	Tên đơn vị/ Nội dung	Tổng chi	DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NĂM 2025													
			QLHC	Giáo dục đào tạo	Y tế	VHTT	Xã hội	KHCN	PTTH	TDTT	Môi trường	Kinh tế	ANQP	Chi khác		
-	Thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh (nhiệm vụ do Sở Nội vụ chủ trì thực hiện)	1.400	1.400													
-	Hỗ trợ hoạt động cho các đoàn kiểm tra liên ngành theo Quyết định của UBND tỉnh: tổ kiểm tra công vụ theo Quyết định số 818/QĐ-UBND ngày 10/05/2022; Đoàn kiểm tra công vụ theo Quyết định số 723/QĐ-UBND ngày 17/6/2024; Đoàn đánh giá chính quyền cơ sở việc thực hiện nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã theo Quyết định số 1724/QĐ-UBND ngày 25/10/2022; Hội đồng đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố theo Quyết định số 1958/QĐ-UBND ngày 17/11/2021	250	250													
-	Tổ chức đại hội Thi đua yêu nước tỉnh Đắk Nông	1.200	1.200													
-	Tổ chức các lớp bồi dưỡng, đào tạo theo tiêu chuẩn cho cán bộ, công chức (thực hiện phân bổ theo chủ trương của cơ quan có thẩm quyền)	379		379												
-	Tổ chức hội nghị, tập huấn chuyên sâu về Luật và các văn bản quy định của Luật thực hiện dân chủ cơ sở	20	20													
-	Kinh phí tiếp nhận vào làm công chức tỉnh Đắk Nông năm 2024	134	134													
-	Số hóa tài liệu vào hệ thống quản lý lưu trữ hồ sơ, dữ liệu điện tử (Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN, chi phí khối lượng phát sinh ngoài phần đã được cơ cấu trong kinh phí tự chủ)	105				105										
-	Chi phí bảo quản tài liệu lưu trữ của Trung tâm lưu trữ (Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN, chi phí khối lượng phát sinh ngoài phần đã được cơ cấu trong kinh phí tự chủ)	250				250										
-	Chỉnh lý tài liệu tồn đọng từ các năm trước đến nay đang được bảo quản tại các cơ quan, đơn vị khối tỉnh	7.000	7.000													
-	Thành lập mới, bổ sung, chỉnh lý hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính các cấp tỉnh Đắk Nông (liên quan đến việc thành lập thành phố Gia Nghĩa và điều chỉnh địa giới hành chính của các huyện Đắk Mil, Cư Jut, Krông Nô)	200	200													
-	Thực hiện các nhiệm vụ được giao chủ trì theo kế hoạch chuyển đổi số đã được phê duyệt (phân bổ khi có đầy đủ hồ sơ, tài liệu theo quy định)	1.500	1.500													
-	Sửa chữa trụ sở Sở Nội vụ (chuyển tiếp, phần chênh lệch còn thiếu giữa số đã bố trí so với dự toán được phê duyệt)	530	530													
-	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (bao gồm nguồn vốn Trung ương bổ sung có mục tiêu và vốn đối ứng của ngân sách tỉnh)	1.130		1.130												
+	Nội dung thành phần số 08: Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công; nâng cao chất lượng chính quyền cơ sở	1.130		1.130												
+	Nội dung 01: Triển khai đề án đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, năng lực quản lý hành chính, quản lý kinh tế-xã hội chuyên sâu, chuyển đổi tư duy về phát triển kinh tế nông thôn cho cán bộ, công chức xã theo quy định	1.130		1.130												
14	Sở Giáo dục và Đào tạo	532.399	11.275	521.124												
a	Lương và chi khác theo quy định	386.955	10.057	376.898												
-	Lương và chi khác theo quy định	10.057	10.057													
-	NSNN hỗ trợ/cấp chi thường xuyên cho đơn vị sự nghiệp công lập	376.898		376.898												
b	Chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo quy định	145.444	1.218	144.226												
-	Đào tạo theo định mức	1.333		1.333												
-	Trang phục thanh tra	25	25													
-	Hỗ trợ tiền lương, tiền công lao động và chi hoạt động cho các đối tượng hợp đồng lao động làm công việc hỗ trợ, phục vụ	360	360													
-	Chế độ, chính sách cho hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ trong các đơn vị sự nghiệp công lập nhóm 4 thuộc Tỉnh vực giáo dục theo Nghị quyết của HĐND tỉnh	11.589		11.589												
-	Chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	16.912	496	16.416												
-	Phụ cấp dân quân tự vệ	18	18													
-	Hỗ trợ hoạt động đại biểu Hội đồng nhân dân	10	10													

STT	Tên đơn vị/ Nội dung	Tổng chi	DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NĂM 2025												
			QLHC	Giáo dục đào tạo	Y tế	VHTT	Xã hội	KHCN	PTTH	TDĐT	Môi trường	Kinh tế	ANQP	Chi khác	
-	Thăm, tặng quà nhân dịp Tết Nguyên đán theo Nghị quyết của HĐND tỉnh	914	59	855											
-	Chính sách theo Nghị định 116/2016/NĐ-CP	19.000		19.000											
-	Chính sách theo Thông tư liên tịch 109/2009/TTLT-BTC-BGDĐT	50.000		50.000											
-	Chính sách theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC	500		500											
-	Chính sách theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP	10.000		10.000											
-	Chính sách theo Nghị quyết 22/2023/NQ-HĐND (sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 18/2013/NQ-HĐND)	17.000		17.000											
-	Chính sách Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 14/12/2022 của HĐND tỉnh (hỗ trợ về giáo dục cho trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông là người dân tộc thiểu số thuộc hộ cận nghèo)	825		825											
-	Chính sách Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 14/12/2022 của HĐND tỉnh (hỗ trợ về giáo dục cho học sinh, sinh viên là thành viên thuộc hộ thoát nghèo vượt qua chuẩn cận nghèo và có đơn tự nguyện đăng ký cam kết thoát nghèo bền vững)	275		275											
-	Hỗ trợ kinh phí thực hiện công tác đánh giá ngoài công nhận Kiểm định chất lượng giáo dục, Chuẩn quốc gia cơ sở giáo dục Mầm Non, Tiểu học, THCS và THPT trên địa bàn tỉnh	250	250												
-	Tổ chức kỳ thi tốt nghiệp THPT	6.000		6.000											
-	Tổ chức, tham gia các hội thi, hoạt động chung của ngành:	6.000		6.000											
+	Tổ chức thi khoa học kỹ thuật cấp tỉnh và tham gia thi khoa học kỹ thuật cấp quốc gia	150		150											
+	Thi tiếng anh trên internet cấp tỉnh, quốc gia, thi hùng biện Tiếng Anh cấp tiểu học	100		100											
+	Thi giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh bậc trung học phổ thông	300		300											
+	Thi chọn học sinh giỏi THCS, THPT cấp tỉnh	500		500											
+	Thi chọn đội tuyển học sinh giỏi dự thi học sinh giỏi quốc gia	300		300											
+	Thi chọn đội tuyển học sinh giỏi quốc gia THPT tại tỉnh Đắk Nông	120		120											
+	Bồi dưỡng học sinh giỏi quốc gia	1.300		1.300											
+	Thi khảo sát chất lượng đầu vào và công tác tuyển sinh lớp 10	1.860		1.860											
+	Thi kiểm tra học kỳ I, Học kỳ II	100		100											
+	Thi khảo sát học sinh lớp 12	100		100											
+	Thi thuyết trình về công viên địa chất	200		200											
+	Thi hùng biện tiếng anh cấp tiểu học, THCS, THPT	200		200											
+	Thi giao lưu tiếng việt của chúng em dành cho học sinh DTTS	80		80											
+	Thi Olympic Toán tuổi thơ cấp tiểu học	90		90											
+	Thi hội thao GDQPAN cấp THPT lần thứ VIII năm 2025	400		400											
+	Hội thi múa hát sân trường cấp tiểu học tỉnh Đắk Nông	160		160											
+	Tổ chức Cuộc thi "Sáng kiến đảm bảo trật tự trường học về phòng ngừa bạo lực học đường và lao động trẻ em" cấp tỉnh năm 2025	40		40											
-	Mua sắm đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị phục vụ sinh hoạt cho học sinh tại các trường Phổ thông dân tộc nội trú (phân bổ khi có đầy đủ hồ sơ, tài liệu theo quy định)	1.000		1.000											
-	Thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số được giao cho ngành giáo dục theo Quyết định số 1061/QĐ-UBND ngày 30/8/2024 của UBND tỉnh Đắk Nông (phân bổ khi có đầy đủ hồ sơ, tài liệu theo quy định)	3.000		3.000											
-	Sửa chữa, bảo dưỡng Trường THPT Chuyên Nguyễn Chí Thanh (chuyên tiếp, phần chênh lệch còn thiếu giữa số đã bố trí so với dự toán được phê duyệt)	433		433											
15	Trường chính trị	13.269		13.269											
a	NSNN hỗ trợ chi thường xuyên	9.237		9.237											
b	Chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo quy định	4.032		4.032											
-	Đào tạo theo định mức	29		29											
-	Thăm, tặng quà nhân dịp Tết Nguyên đán theo Nghị quyết của HĐND tỉnh	22		22											
-	Chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	384		384											

STT	Tên đơn vị/ Nội dung	Tổng chi	DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NĂM 2025													
			QLHC	Giáo dục đào tạo	Y tế	VHTT	Xã hội	KHCN	PTTH	TDĐT	Môi trường	Kinh tế	ANQP	Chi khác		
-	Đào tạo các lớp theo kế hoạch do cơ quan có thẩm quyền giao (thực hiện phân bổ khi Kế hoạch được phê duyệt)	3.447		3.447												
-	Kinh phí tổ chức Hội thảo Khoa học	150		150												
16	Trường Cao đẳng cộng đồng	15.504		15.504												
a	NSNN hỗ trợ chi thường xuyên	3.919		3.919												
b	Chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo quy định	11.585		11.585												
-	Đào tạo theo định mức	43		43												
-	Chính sách theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP	7.500		7.500												
-	Chính sách theo Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg	3.100		3.100												
-	Chính sách theo Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND	907		907												
-	Thăm, tặng quà nhân dịp Tết Nguyên đán theo Nghị quyết của HĐND tỉnh	35		35												
17	Ban Quản lý các khu công nghiệp	12.340	5.577	29							911	5.823				
a	Lương và chi khác theo quy định	6.832	3.482									3.350				
-	Lương và chi khác theo quy định	3.482	3.482													
-	NSNN hỗ trợ/cấp chi thường xuyên cho đơn vị sự nghiệp công lập	3.350										3.350				
b	Chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo quy định	5.508	2.095	29							911	2.473				
-	Đào tạo theo định mức	29		29												
-	Hỗ trợ tiền lương, tiền công lao động và chi hoạt động cho các đối tượng hợp đồng lao động làm công việc hỗ trợ, phục vụ	360	360													
-	Chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	386	176									210				
-	Thăm, tặng quà nhân dịp Tết nguyên đán theo Nghị quyết của HĐND tỉnh	22	9									13				
-	Thực hiện các hoạt động kêu gọi đầu tư vào các Khu công nghiệp	200										200				
-	Hỗ trợ tham gia hội thảo Ban quản lý các khu công nghiệp khu vực Tây Nguyên và các tỉnh duyên hải miền trung	100	50									50				
-	Kinh phí thực hiện công tác môi trường; tập huấn, phổ biến pháp luật về bảo vệ môi trường cho các doanh nghiệp KCN	150									150					
-	Đuy trì hoạt động của các khu công nghiệp do Ban quản lý:	2.761									761	2.000				
+	Bảo vệ khu công nghiệp; quét dọn vệ sinh môi trường, thu gom rác, nạo vét đất các tuyến đường; phát cỏ vĩa hè các tuyến đường; công tác phòng cháy chữa cháy; chăm sóc cây xanh,....	2.000										2.000				
+	Chi phí hoạt động xử lý nước thải	461									461					
+	Lập báo cáo quan trắc môi trường	300									300					
-	Sửa chữa trụ sở làm việc Ban Quản lý các khu công nghiệp (phân bổ khi có đầy đủ hồ sơ, tài liệu theo quy định)	1.500	1.500													
18	Sở Giao thông vận tải	49.695	15.256	39								34.400				
a	Lương và chi khác theo quy định	11.093	11.093													
b	Chế độ, chính sách theo quy định	38.602	4.163	39								34.400				
-	Đào tạo theo định mức	39		39												
-	Hỗ trợ tiền lương, tiền công lao động và chi hoạt động cho các đối tượng hợp đồng lao động làm công việc hỗ trợ, phục vụ	450	450													
-	Phụ cấp dân quân tự vệ	18	18													
-	Thăm, tặng quà nhân dịp tết Nguyên đán theo Nghị quyết của HĐND tỉnh	34	34													
-	Trang phục thanh tra	90	90													
-	Thực hiện cấp mới, cấp lại, cấp đổi giấy phép lái xe	2.071	2.071													
-	Sửa chữa trụ sở làm việc Sở Giao thông Vận tải (theo chủ trương của UBND tỉnh tại Công văn số 5228/UBND-KT ngày 29/8/2024 nhưng chưa có quyết định phê duyệt dự toán sửa chữa, bảo dưỡng trụ sở làm việc - chế độ, tiêu chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật theo Thông tư số 65/2021/TT-BTC. Do đó, bố trí dự toán năm 2025 để đơn vị thực hiện nhiệm vụ sửa chữa căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách)	1.500	1.500													
-	Thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông	500											500			

STT	Tên đơn vị/ Nội dung	Tổng chi	DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NĂM 2025												
			QLHC	Giáo dục đào tạo	Y tế	VHTT	Xã hội	KHCN	PTTH	TDĐT	Môi trường	Kinh tế	ANQP	Chi khác	
b	Chế độ, chính sách theo quy định	8.724	2.339	44									6.341		
-	Chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	584	438										146		
-	Trang phục thanh tra	15	15												
-	Đào tạo theo định mức	44		44											
-	Hỗ trợ tiền lương, tiền công lao động và chi hoạt động cho các đối tượng hợp đồng lao động làm công việc hỗ trợ, phục vụ	360	360												
-	Thăm, tặng quà nhân dịp tết Nguyên đán theo Nghị quyết của HĐND tỉnh và Tỉnh ủy	40	32										8		
-	Phụ cấp dân quân tự vệ	29	29												
-	Hỗ trợ hoạt động đại biểu Hội đồng nhân dân	10	10												
-	Hỗ trợ Ban chỉ đạo Hội nhập kinh tế quốc tế tỉnh Đắk Nông	50	50												
-	Hỗ trợ hoạt động Đoàn liên ngành về kiểm tra xăng dầu, ga, vật liệu nổ công nghiệp, hoạt động điện lực: an toàn thực phẩm, chợ, an toàn đập thủy điện và các công việc khác có liên quan đến lưới điện cao áp	205	205												
-	Mua sắm trang thiết bị phòng cháy chữa cháy theo Thông tư 150/2020/TT-BCA	50	50												
-	Sửa chữa trụ sở làm việc Sở Công Thương (chuyển tiếp, phần chênh lệch còn thiếu giữa số đã bố trí so với dự toán được phê duyệt)	800	800												
-	Khảo sát thông tin giá cả thị trường	200	200												
-	Thực hiện các hoạt động, nhiệm vụ của ngành trong lĩnh vực thương mại	3.787	150										3.637		
+	Tuyên truyền trên Báo Công Thương	150	150												
+	Chương trình xúc tiến thương mại địa phương	2.075											2.075		
+	Thực hiện các nhiệm vụ, kế hoạch khác thuộc lĩnh vực thương mại (thực hiện phân bổ khi có văn bản phê duyệt nhiệm vụ của cấp có thẩm quyền)	1.562											1.562		
-	Thực hiện các hoạt động, nhiệm vụ của ngành trong lĩnh vực công nghiệp	2.350											2.350		
+	Kế hoạch khuyến công địa phương	1.950											1.950		
+	Đề án phát triển công nghiệp tỉnh Đắk Nông	400											400		
-	Thực hiện các hoạt động, nhiệm vụ của ngành trong lĩnh vực năng lượng	200											200		
+	Rà soát, khảo sát, đánh giá tình hình thực trạng lưới điện để đề xuất nhu cầu đầu tư lưới điện tại các thôn, bon trên địa bàn tỉnh	100											100		
+	Tổ chức kiểm tra và tổng kết đánh giá kết quả thực hiện quy định của pháp luật về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả các đối tượng sử dụng điện.	100											100		
22	Sở Tư pháp	14.823	9.963	47				3.751					1.062		
a	Lương và chi khác theo quy định	10.700	7.022					2.929					749		
-	Lương và chi khác theo quy định	7.022	7.022												
-	NSNN hỗ trợ/ cấp chi thường xuyên cho đơn vị sự nghiệp công lập	3.678						2.929					749		
b	Chế độ, chính sách theo quy định	4.123	2.941	47				822					313		
-	Chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	497	322					149					26		
-	Đào tạo theo định mức	47		47											
-	Hỗ trợ tiền lương, tiền công lao động và chi hoạt động cho các đối tượng hợp đồng lao động làm công việc hỗ trợ, phục vụ	360	360												
-	Phụ cấp dân quân tự vệ	18	18												
-	Thăm, tặng quà nhân dịp tết Nguyên đán theo Nghị quyết của HĐND tỉnh	30	30												
-	Trang phục thanh tra, trợ giúp viên pháp lý	51	18					33							
-	Thực hiện các nhiệm vụ Cải cách hành chính	100	100												
-	Hỗ trợ hoạt động của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh	28	28												
-	Chuyên mục "Đời sống pháp luật" trên sóng phát thanh, truyền hình tỉnh Đắk Nông	240	240												
-	Tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở	1.200	1.200												
-	Rà soát, kiểm tra, thẩm định, hoàn thiện và theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật (bao gồm kinh phí hoạt động của Hội đồng thẩm định VBQPPL tỉnh)	360	360												
-	Xây dựng và thẩm định văn bản quy phạm pháp luật	200	200												

STT	Tên đơn vị/ Nội dung	Tổng chi	DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NĂM 2025													
			QLHC	Giáo dục đào tạo	Y tế	VHTT	Xã hội	KHCN	PTTH	TDĐT	Môi trường	Kinh tế	ANQP	Chi khác		
+	Rà soát, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật	100	100													
+	Theo dõi tình hình thi hành pháp luật	60	60													
-	Hỗ trợ nhiệm vụ kiểm tra: Giao dịch bảo đảm, bán đấu giá tài sản, thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính; kiểm tra hoạt động giám định tư pháp, bồi thường nhà nước.	150	150													
+	Tổ chức thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính	100	100													
+	Kiểm tra, theo dõi THPL các lĩnh vực: Biện pháp bảo đảm, hỗ trợ tư pháp; bồi thường nhà nước	50	50													
-	Trợ giúp pháp lý theo Luật Trợ giúp pháp lý; Hội đồng phối hợp liên ngành hoạt động tố tụng; Hỗ trợ Pháp lý cho doanh nghiệp	705	65					640								
+	Hỗ trợ pháp lý cho Doanh nghiệp	65	65													
+	Kinh phí trợ giúp pháp lý	500						500								
+	Hỗ trợ hội đồng phối hợp liên ngành thực hiện trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng	140						140								
-	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (bao gồm nguồn vốn Trung ương bổ sung có mục tiêu và vốn đối ứng của ngân sách tỉnh)	272											272			
+	Nội dung thành phần số 08: Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công; nâng cao chất lượng chính quyền cơ sở	272											272			
++	Nội dung 04: Tăng cường hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, giải quyết hòa giải mâu thuẫn ở khu vực nông thôn	272											272			
-	Mua sắm trang thiết bị phòng cháy chữa cháy theo Thông tư 150/2020/TT-BCA	50	50													
-	Thuê tư vấn thực hiện nhiệm vụ mua sắm tập trung của tỉnh	15											15			
23	Sở Thông tin và Truyền thông	17.979	7.033	35			10.911									
a	Lương và chi khác theo quy định	7.828	6.196				1.632									
-	Lương và chi khác theo quy định của quản lý hành chính nhà nước	6.196	6.196													
-	NSNN hỗ trợ chi thường xuyên cho đơn vị sự nghiệp công lập	1.632					1.632									
b	Chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo quy định	10.151	837	35			9.279									
-	Chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP của Chính phủ	332	246				86									
-	Đào tạo theo định mức	35		35												
-	Hỗ trợ tiền lương, tiền công lao động và chi hoạt động cho các đối tượng hợp đồng lao động làm công việc hỗ trợ, phục vụ	360	360													
-	Trang phục thanh tra	15	15													
-	Phụ cấp dân quân tự vệ	17	17													
-	Hỗ trợ hoạt động của Đại biểu Hội đồng nhân dân	10	10													
-	Hỗ trợ hoạt động của Đoàn liên ngành phòng, chống in lậu tỉnh	10	10													
-	Chế độ, chính sách theo Nghị quyết số 23/2023/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Đắk Nông	26	16				10									
-	Sửa chữa trụ sở Sở Thông tin và Truyền thông (phần chênh lệch còn thiếu giữa số quyết toán dự án hoàn thành và dự toán đã bố trí)	88	88													
-	Mua sắm trang thiết bị phòng cháy chữa cháy theo Thông tư 150/2020/TT-BCA	50	50													
-	Tổ chức Gặp mặt báo chí và Trao giải thường báo chí tỉnh Đắk Nông nhân kỷ niệm 100 năm Ngày báo chí cách mạng Việt Nam	200					200									
-	Tổ chức "Ngày hội sách và Văn hóa đọc tỉnh Đắk Nông" (bao gồm nhiệm vụ phối hợp thực hiện của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) và các hoạt động phát triển văn hóa đọc	300					300									
-	Xuất bản Bản tin điểm báo	100					100									
-	Nhuận bút, thù lao và quản lý vận hành Cổng thông tin điện tử tỉnh Đắk Nông	600					600									
-	Thực hiện các nhiệm vụ tình giao cho Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh	1.363					1.363									
+	Tiền điện, dầu chạy máy nổ dự phòng cho Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh	290					290									
+	Trực vận hành Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh	180					180									
+	Đường truyền Internet Leased line; Đường truyền Internet Megawan; Đường truyền Internet trực tiếp công FE (1pv6)	300					300									
+	Bản quyền tương thừa cho Hệ thống thư điện tử công vụ tỉnh Đắk Nông	93					93									



STT	Tên đơn vị/ Nội dung	Tổng chi	DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NĂM 2025													
			QLHC	Giáo dục đào tạo	Y tế	VHTT	Xã hội	KHCN	PTTH	TDĐT	Môi trường	Kinh tế	ANQP	Chi khác		
+	Chi phí dự phòng (phục vụ cho các sự cố, hư hỏng trang thiết bị; bảo dưỡng, bảo trì, vệ sinh công nghiệp hệ thống tại Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh)	500				500										
-	Thực hiện các nhiệm vụ Chuyển đổi số giao đơn vị chủ trì thực hiện	6.645	25			6.620										
+	Hỗ trợ hoạt động của Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số cấp tỉnh và Tổ giúp việc	25	25													
+	Tổ chức hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia, Ngày chuyển đổi số tỉnh Đắk Nông	50				50										
+	Tổ chức Hội nghị sơ kết 05 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 01/11/2021 của Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Đắk Nông đến năm 2025, định hướng đến năm 2030	100				100										
+	Tập huấn, bồi dưỡng, đào tạo và tuyên truyền để nâng cao nhận thức về chuyển đổi số và kỹ năng chuyển đổi số theo Kế hoạch của UBND tỉnh	250				250										
+	Thuê hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến tích hợp ứng dụng một cửa liên thông tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2023-2025	2.500				2.500										
+	Thuê phần mềm Hệ thống quản lý văn bản và điều hành giai đoạn 2023-2025	2.800				2.800										
+	Mua quyền sử dụng phần mềm (license) Hội nghị truyền hình trực tuyến cho Hệ thống giao ban trực tuyến tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2023-2025	420				420										
+	Thực hiện gán tín nhiệm website cho các website/tên miền công khai trên Internet (Chứng chỉ bảo mật SSL)	500				500										
24	Dài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	37.415		63						37.352						
a	NSNN hỗ trợ chi thường xuyên	10.141								10.141						
b	Chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo quy định	27.274		63						27.211						
-	Chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP của Chính phủ	884								884						
-	Đào tạo theo định mức	63		63												
-	Chế độ, chính sách theo Nghị quyết số 23/2023/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Đắk Nông	48								48						
-	Hỗ trợ kinh phí duy trì hoạt động phát thanh - truyền hình nhằm đảm bảo thời lượng phát sóng trong năm theo quy định	19.500								19.500						
++	Chế độ nhuận bút	16.000								16.000						
++	Mua phim truyền và chương trình giải trí	3.500								3.500						
-	Đề án phát sóng kênh truyền hình Đắk Nông (PTD) lên vệ tinh Vinasat-2 giai đoạn 2020-2025	4.500								4.500						
-	Đề án Phát sóng truyền hình Đắk Nông (PTD) trên hạ tầng truyền dẫn cáp kỹ thuật số DVB-T2 và truyền dẫn truyền hình số mặt đất theo chuẩn HD, giai đoạn 2022-2026	2.279								2.279						
25	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	46.839	13.350	4.573		21.393				7.523						
a	Lương và chi khác theo quy định	28.114	9.825			13.522				4.767						
-	Lương và chi khác theo quy định của quản lý hành nhà nước	9.825	9.825													
-	NSNN hỗ trợ/cấp chi thường xuyên cho đơn vị sự nghiệp công lập	18.289				13.522				4.767						
b	Chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo quy định	18.725	3.525	4.573		7.871				2.756						
-	Chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP của Chính phủ	1.504	478			752				274						
-	Đào tạo theo định mức	137		137												
-	Hỗ trợ tiền lương, tiền công lao động và chi hoạt động cho các đối tượng hợp đồng lao động làm công việc hỗ trợ, phục vụ	360	360													
-	Trang phục thanh tra	39	39													
-	Phụ cấp dân quân tự vệ	18	18													
-	Hỗ trợ hoạt động cho đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh	10	10													
-	Chế độ, chính sách theo Nghị quyết số 23/2023/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh	90	26							17						
-	Chế độ bồi dưỡng bằng hiện vật trong môi trường làm việc có yếu tố độc hại tại Thư viện tỉnh theo Thông tư số 25/2013/TT-BLĐTBXH	89				89										
-	Hỗ trợ hoạt động của Đoàn kiểm tra liên ngành đối với kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường tỉnh Đắk Nông theo Quyết định số 787/QĐ-UBND ngày 05/6/2020 của UBND tỉnh Đắk Nông	12	12													

STT	Tên đơn vị/ Nội dung	Tổng chi	DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NĂM 2025													
			QLHC	Giáo dục đào tạo	Y tế	VHTT	Xã hội	KHCN	PTTH	TDTT	Môi trường	Kinh tế	ANQP	Chi khác		
-	Hỗ trợ hoạt động của Ban chỉ đạo Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" tỉnh Đắk Nông	25	25													
-	Hỗ trợ hoạt động của Ban chỉ đạo phát triển du lịch tỉnh Đắk Nông theo Quyết định số 1090/QĐ-UBND ngày 11/9/2024 của UBND tỉnh	25	25													
-	Sửa chữa trụ sở Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (nhiệm vụ chuyển tiếp, phần chênh lệch còn thiếu giữa số đã bố trí so với dự toán được phê duyệt, không bao gồm chi phí dự phòng)	2.532	2.532													
-	Sửa chữa trụ sở làm việc Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh tỉnh (phân bổ khi đảm bảo hồ sơ theo quy định)	1.500				1.500										
-	In thiệp, câu đối và thư chúc tết của Tỉnh ủy, UBND tỉnh hằng năm theo Công văn số 3231/UBND-KT ngày 07/6/2024	60				60										
-	Hỗ trợ kinh phí cho đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp (là đơn vị sự nghiệp công của Nhà nước) theo Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	510				510										
+	Biểu diễn nghệ thuật theo phương thức hoán đổi chỉ tiêu thực hiện nhiệm vụ chính trị với Đoàn Ca múa nhạc dân tộc tỉnh Bình Phước	186				186										
+	Biểu diễn chương trình nghệ thuật phục vụ đồng bào vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới thuộc các huyện, thành phố trên địa bàn toàn tỉnh	324				324										
-	Hỗ trợ kinh phí cho Đội thông tin lưu động theo Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	250				250										
+	Chương trình văn nghệ và chiếu phim Ngày thành lập Đảng 3/2 và Tết Nguyên đán	74				74										
+	Chương trình văn nghệ và chiếu phim Ngày giải phóng hoàn toàn Miền Nam, Thống nhất đất nước (30/4)	73				73										
+	Chương trình văn nghệ và chiếu phim Cách mạng Tháng 8 thành công và Quốc khánh 2/9	73				73										
+	Chương trình chiếu phim Kỷ niệm Ngày sinh nhật Bác (19/5)	15				15										
+	Chương trình chiếu phim Kỷ niệm Ngày thương binh - Liệt sỹ (27/7)	15				15										
-	Quản lý di tích lịch sử các địa điểm phong trào đấu tranh chống thực dân pháp của đồng bào M'Nông do N'Trang Lang lãnh đạo	48				48										
-	Xây dựng hồ sơ xếp hạng di tích cấp tỉnh đối với Danh lam thắng cảnh núi lửa Năm Kar, xã Quảng Phú, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông	120				120										
-	Xây dựng hồ sơ xếp hạng di tích cấp tỉnh đối với Di tích khảo cổ Thôn Tám, xã Đắk Wil, huyện Cư Jú, tỉnh Đắk Nông	120				120										
-	Điều tra, khai quật địa điểm khảo cổ Hang Tà Đing, thuộc Bon S'rê, xã Đắk Som, huyện Đắk Glong	100				100										
-	Xây dựng hồ sơ xếp hạng di tích cấp quốc gia đối với Danh lam thắng cảnh Hệ thống hang động núi lửa Krông Nô - Hang C8, xã Buôn Choah, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông	120				120										
-	Xây dựng hồ sơ xếp hạng di tích cấp quốc gia đối với Danh lam thắng cảnh Hệ thống hang động núi lửa Krông Nô - Hang C7, xã Đắk Sô, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông	120				120										
-	Bổ sung vốn tài liệu mời phục vụ lưu động và tuyên truyền các sự kiện, lễ lớn cho Thư viện tỉnh	80				80										
-	Tổ chức luân chuyển sách và phục vụ xe ô tô thư viện lưu động	320				320										
+	Tổ chức luân chuyển sách và phục vụ xe ô tô thư viện lưu động tại các trường học trên địa bàn tỉnh Bình Phước	70				70										
+	Luân chuyển sách, báo phục vụ các đồn biên phòng và Tiểu đoàn Huấn luyện Cơ động, Trại Tam giác Công an tỉnh, Trại giam Đắk Plao, Cơ sở Cai nghiện ma túy số 01, các điểm Bưu điện văn hóa xã, trường học trên địa bàn tỉnh	150				150										
+	Phục vụ ngoài thư viện (xe ô tô thư viện lưu động đa phương tiện tại các trường học trên địa bàn tỉnh)	100				100										
-	Tổ chức Vòng sơ khảo Cuộc thi "Đại sứ văn hóa đọc" tỉnh Đắk Nông năm 2025	100				100										
-	Xét tặng Giải thưởng Văn học, nghệ thuật tỉnh Đắk Nông năm 2025	600				600										

STT	Tên đơn vị/ Nội dung	Tổng chi	DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NĂM 2025											
			QLHC	Giáo dục đào tạo	Y tế	VHTT	Xã hội	KHCN	PTTH	TDTT	Môi trường	Kinh tế	ANQP	Chi khác
-	Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, sưu tầm, trưng bày, triển lãm,... phục vụ nhiệm vụ chính trị, các ngày lễ lớn trong năm của tỉnh, cả nước	500				500								
+	Tổ chức trưng bày, triển lãm sách, báo, tạp chí phục vụ các nhiệm vụ chính trị, các ngày lễ kỷ niệm năm 2025 của đất nước và địa phương	100				100								
+	Các nhiệm vụ liên quan đến lĩnh vực gia đình: Tổ chức truyền truyền Ngày Quốc tế Hạnh phúc 20/3, Ngày Gia đình Việt Nam 28/6, Tháng hành động quốc gia phòng chống bạo lực gia đình, Ngày thế giới xóa bỏ bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái 15/11; Tổ chức các hoạt động khác về công tác gia đình	180				180								
+	Đăng cai tổ chức Triển lãm tranh cổ động tầm lớn Tuyên truyền Kỷ niệm 50 năm Ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975-30/4/2025)	140				140								
+	Trưng bày chuyên đề "Hiện vật bảo tàng và công chúng" phục vụ cơ sở (đợt 1 tại huyện Tuy Đức và đợt 2 tại huyện Krông Nông)	80				80								
-	Triển khai Kế hoạch của UBND tỉnh về xây dựng phong cách văn minh, lịch sự, hiếu khách, thân thiện trên địa bàn tỉnh Đắk Nông	200				200								
+	Xây dựng nội dung tuyên truyền phong cách văn minh lịch sự, thân thiện, hiếu khách (băng rôn, banner, tờ rơi, tập gấp,...)	40				40								
+	Ấn phẩm Sổ tay hướng dẫn du lịch (bao gồm các nội dung về Bộ Quy tắc ứng xử văn minh du lịch, các nội dung văn bản hướng dẫn liên quan của ngành, các quy định, hướng dẫn cần thiết khi đi du lịch, thông tin cần thiết khi đi du lịch tại tỉnh Đắk Nông...)	80				80								
+	Tập huấn về kỹ năng phục vụ buồng, phòng, bàn, bar	80				80								
-	Phục dựng Lễ cúng Thần Rừng	45				45								
-	Ngày hội văn hóa, giao lưu văn hóa của đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh	350				350								
-	Tham gia Tuần Đại đoàn kết các dân tộc - Di sản văn hóa Việt Nam tại Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam (Đông Mô, Sơn Tây, Hà Nội)	200				200								
-	Tham gia Liên hoan Âm nhạc ASEAN	400				400								
-	Tổ chức xây dựng chương trình truyền dạy, bồi dưỡng, tập huấn về văn học dân gian của các dân tộc thiểu số	80				80								
-	Tham gia Hội diễn nghệ thuật quần chúng "Ca khúc cách mạng" kỷ niệm 50 năm ngày giải phóng Miền Nam thống nhất đất nước tại TP HCM	180				180								
-	Tham gia Triển lãm "Di sản văn hóa, danh thắng Việt Nam và sản phẩm thủ công truyền thống" (Chào mừng Ngày di sản văn hóa Việt Nam 23/11) tại thành phố Hải Phòng	180				180								
-	Đào tạo vận động viên có thành tích cao của tỉnh (đã bao gồm kinh phí mua dụng cụ tập luyện; hỗ trợ cơ sở vật chất khu vực sinh hoạt, ăn ngủ cho vận động viên thể thao của tỉnh)	4.436		4.436										
-	Khen thưởng vận động viên khuyết tật và vận động viên đạt thành tích cao cấp quốc gia	200								200				
-	Triển khai Kế hoạch số 499/KH-UBND ngày 24/7/2024 của UBND tỉnh về tổ chức Đại hội Thể dục thể thao các cấp tỉnh Đắk Nông và tham gia Đại hội Thể thao toàn quốc lần thứ X năm 2026	900									900			
+	Tổ chức Giải vô địch bóng chuyền nam, nữ tỉnh Đắk Nông lần thứ XII năm 2025	130									130			
+	Tổ chức Giải vô địch bóng bàn tỉnh Đắk Nông lần thứ XII năm 2025	120									120			
+	Tổ chức Giải vô địch Bơi các nhóm tuổi tỉnh Đắk Nông lần thứ VIII năm 2025	160									160			
+	Tổ chức Giải vô địch Karate tỉnh Đắk Nông lần thứ XIII năm 2025	140									140			
+	Tổ chức Giải vô địch Taekwondo tỉnh Đắk Nông lần thứ IX năm 2025	130									130			
+	Tổ chức Giải vô địch cầu lông tỉnh Đắk Nông lần thứ IX năm 2025	120									120			
+	Tổ chức Giải vô địch bóng đá mini nam tỉnh Đắk Nông lần thứ VI năm 2025	100									100			
-	Đăng cai tổ chức Giải Vô địch Kickboxing Toàn quốc năm 2025	200									200			
-	Tổ chức Ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân và Giải Việt dã tỉnh Đắk Nông lần thứ XIX năm 2025	130									130			
-	Tổ chức Hội thi thể thao các dân tộc thiểu số tỉnh Đắk Nông lần thứ IX năm 2025	230									230			
-	Tổ chức Giải bóng đá nhi đồng tỉnh Đắk Nông lần thứ I năm 2025	20									20			

STT	Tên đơn vị/ Nội dung	Tổng chi	DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NĂM 2025												
			QLHC	Giáo dục đào tạo	Y tế	VHTT	Xã hội	KHCN	PTTH	TDTT	Môi trường	Kinh tế	ANQP	Chi khác	
-	Tham gia thi đấu các giải toàn quốc và khu vực	725										725			
+	Tham gia giải Vô địch võ Kickboxing quốc gia năm 2025 tại Thành phố Đà Nẵng	45										45			
+	Tham gia giải Vô địch võ Kickboxing quốc gia khu vực Miền Trung - Tây Nguyên năm 2025 tại Gia Lai	30										30			
+	Tham gia giải Cúp các câu lạc bộ Võ cổ truyền quốc gia năm 2025 tại Hà Tĩnh	50										50			
+	Tham gia giải Vô địch võ Cổ truyền quốc gia năm 2025 tại Thanh Hóa	45										45			
+	Tham gia giải Taekwondo các lứa tuổi trẻ năm 2025 tại Đà Nẵng	50										50			
+	Tham gia giải Vô địch Taekwondo toàn quốc năm 2025 tại Thanh Hóa	50										50			
+	Tham gia giải Vô địch điền kinh các nhóm tuổi trẻ quốc gia năm 2025 tại Nam Định	45										45			
+	Tham gia giải người khuyết tật toàn quốc năm 2025 tại TP HCM	160										160			
+	Tham gia Giải Vô địch quốc gia Việt dã leo núi "Chinh phục đỉnh cao Bà Rá" lần thứ 30 năm 2025 tại Bình Phước	30										30			
+	Tham gia giải Vô địch đẩy gậy toàn quốc năm 2025 tại Thanh Hóa	50										50			
+	Tham gia Hội thi Thể thao các dân tộc thiểu số toàn quốc khu vực II năm 2025 tại Bình Phước	140										140			
+	Hội thao Khối Văn phòng Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch các tỉnh Tây Nguyên lần thứ XIII năm 2025 tại Kon Tum	30										30			
-	Tổ chức Lớp tập huấn chương trình Bơi an toàn phòng chống đuối nước cho Giáo viên, hướng dẫn viên cơ sở	60										60			
-	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (bao gồm nguồn vốn Trung ương bổ sung có mục tiêu và vốn đối ứng của ngân sách tỉnh)	800					800								
+	Nội dung thành phần số 06: Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống theo hướng bền vững gắn với phát triển du lịch nông thôn	800					800								
++	Nội dung 01: Nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở; tăng cường nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa, thể thao nông thôn, gắn với các tổ chức cộng đồng	200					200								
++	Nội dung 02: Tăng cường kiểm kê, ghi danh các di sản văn hoá; bảo tồn và phát huy di sản văn hóa	600					600								
26	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	40.393	11.211	215			28.967								
a	Lương và chi khác theo quy định	17.889	9.363				8.526								
-	Lương và chi khác theo quy định của quản lý nhà nước	9.363	9.363												
-	NSNN hỗ trợ/cấp chi thường xuyên cho đơn vị sự nghiệp công lập	8.526					8.526								
b	Chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo quy định	22.504	1.848	215			20.441								
-	Chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP của Chính phủ	838	458				380								
-	Đào tạo theo định mức	70		70											
-	Phụ cấp dân quân tự vệ	18	18												
-	Hỗ trợ tiền lương, tiền công lao động và chi hoạt động cho các đối tượng hợp đồng lao động làm công việc hỗ trợ, phục vụ	630	630												
-	Trang phục thanh tra	25	25												
-	Chế độ cho Hòa giải viên lao động; Trọng tài viên lao động; Hội đồng trọng tài lao động	47					47								
-	Hỗ trợ hoạt động của Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ tỉnh	46	46												
-	Hỗ trợ hoạt động của Hội đồng An toàn, vệ sinh lao động tỉnh	20	20												
-	In phôi Giấy chứng nhận mức độ khuyết tật	30	30												
-	Mua sắm trang thiết bị phòng cháy chữa cháy theo Thông tư 150/2020/TT-BCA tại Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh	50					50								
-	Triển khai Kế hoạch kỷ niệm 80 năm ngày Truyền thống ngành Lao động - Thương binh và Xã hội (28/8/1945-28/8/2025) và tổ chức Đại hội Thi đua yêu nước ngành Lao động - Thương binh và Xã hội lần thứ VI năm 2025	74	74												

STT	Tên đơn vị/ Nội dung	Tổng chi	DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NĂM 2025												
			QLHC	Giáo dục đào tạo	Y tế	VHTT	Xã hội	KHCN	PTTH	TDĐT	Môi trường	Kinh tế	ANQP	Chi khác	
-	Hoàn thiện hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông	500	500												
-	Các nhiệm vụ, hoạt động liên quan đến bình đẳng giới	200						200							
+	Truyền thông nâng cao nhận thức về bình đẳng giới (panô tuyên truyền; phối hợp truyền thông với cơ quan báo chí)	40						40							
+	Tập huấn năng cao kiến thức, nghiệp vụ về bình đẳng giới cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, cộng tác viên phụ trách hoặc có liên quan đến lĩnh vực bình đẳng giới theo Kế hoạch của UBND tỉnh	60						60							
+	Tổng kết kế hoạch thực hiện chiến lược quốc gia bình đẳng giới giai đoạn 2021-2025 theo Kế hoạch của UBND tỉnh	40						40							
+	Tổ chức các hoạt động Tháng hành động vì bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới theo Kế hoạch của UBND tỉnh	60						60							
-	Các nhiệm vụ, hoạt động liên quan đến công tác trẻ em	500						500							
+	Tổ chức tháng hành động vì trẻ em theo Kế hoạch của UBND tỉnh	100						100							
+	Tổ chức Tết trung thu theo Kế hoạch của UBND tỉnh	100						100							
+	Thực hiện chương trình phòng, chống trẻ em lao động trái quy định của pháp luật (panô tuyên truyền)	40						40							
+	Thực hiện Chương trình phòng, chống tai nạn thương tích trẻ em (công tác tuyên truyền)	100						100							
+	Thực hiện truyền thông chuyển đổi hành vi về bảo vệ, chăm sóc trẻ em (Xây dựng phòng sự tuyên truyền về công tác trẻ em)	40						40							
+	Tập huấn cung cấp kỹ năng bảo vệ trẻ em cho cha mẹ, người chăm sóc trẻ em theo Kế hoạch của UBND tỉnh	120						120							
-	Các nhiệm vụ, hoạt động liên quan đến công tác phòng chống ma túy, mại dâm, tệ nạn xã hội và AIDS	120	10					110							
+	Kiểm tra liên ngành phòng, chống tệ nạn mại dâm (Đội 178)	10	10												
+	Triển khai một số hoạt động hưởng ứng ngày Quốc tế phòng, chống ma túy (26/6) theo Kế hoạch của UBND tỉnh	20						20							
+	Tập huấn nâng cao năng lực cho Đội công tác xã hội tình nguyện cấp xã theo Kế hoạch của UBND tỉnh	90						90							
-	Chính sách quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi theo Nghị quyết số 05/2020/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	400						400							
-	Chính sách trợ cấp hàng tháng, mai táng phí cho cựu chiến binh, thanh niên xung phong và các đối tượng theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg và Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ (bao gồm số đối tượng chưa được thanh toán trong năm 2024 theo quy định)	4.000						4.000							
-	Chính sách quà tặng ngày Thương binh - Liệt sỹ (27/7), tết Nguyên đán và mức chi đưa đón đối tượng đi điều dưỡng tập trung, tham quan theo Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	1.850						1.850							
-	Chế độ, chính sách theo Nghị quyết số 23/2023/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh	566	37					529							
-	Chi phí quản lý, chăm sóc Nghĩa trang Liệt sỹ tỉnh Đắk Nông	1.130						1.130							
+	Duy trì, chăm sóc cây xanh và vệ sinh môi trường tại Nghĩa trang Liệt sỹ tỉnh Đắk Nông (phần bỏ theo chủ trương của cơ quan có thẩm quyền)	1.000						1.000							
+	Chi phí phục vụ công tác quản lý tại Nghĩa trang Liệt sỹ tỉnh Đắk Nông (đã bao gồm kinh phí viếng nghĩa trang Liệt sỹ các ngày lễ, tết của lãnh đạo tỉnh)	130						130							
-	Chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại Trung tâm Bảo trợ xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP và Nghị định số 76/2024/NĐ-CP của Chính phủ (bao gồm chế độ cho các đối tượng chưa được thanh toán trong năm 2024 theo quy định)	4.596						4.596							
-	Chính sách hỗ trợ đào tạo nghề cho thanh niên theo Thông tư số 43/2016/TT-BLĐTBXH (bao gồm đối tượng chưa được thanh toán trong năm 2024 theo quy định)	6.374						6.374							
-	Triển khai Chương trình An toàn vệ sinh lao động tỉnh Đắk Nông	105						105							

STT	Tên đơn vị/ Nội dung	Tổng chi	DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NĂM 2025												
			QLHC	Giáo dục đào tạo	Y tế	VHTT	Xã hội	KHCN	PTTH	TDTT	Môi trường	Kinh tế	ANQP	Chi khác	
+	Hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục, tư vấn nâng cao nhận thức, kỹ năng và sự tuân thủ pháp luật an toàn, vệ sinh lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động (bảng rôn tuyên truyền; tổ chức lễ phát động Tháng hành động về an toàn vệ sinh lao động; phối hợp tuyên truyền với cơ quan báo chí;...)	100					100								
+	Thăm tặng quà cho người bị tai nạn lao động (bao gồm công tác phí, xăng xe đi tặng quà cho người hoặc thân nhân người bị tai nạn lao động)	5					5								
-	Hỗ trợ huấn luyện người lao động làm việc không theo hợp đồng lao động theo Kế hoạch của UBND tỉnh	100					100								
-	Thực hiện Đề án Tuyên truyền, phổ biến pháp luật lao động cho người lao động và người sử dụng lao động đáp ứng yêu cầu thực thi các cam kết quốc tế về lao động giai đoạn 2023-2030 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông	70					70								
-	Tham gia Hội thi thiết bị đào tạo tự làm toàn quốc theo Kế hoạch của UBND tỉnh	145		145											
27	Ban Dân tộc	6.025	5.737	16			272								
a	Lương và chi khác theo quy định	4.957	4.957												
b	Chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo quy định	1.068	780	16			272								
-	Đào tạo theo định mức	16		16											
-	Chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP của Chính phủ	236	236												
-	Hợp đồng tiền lương, tiền công lao động và chi hoạt động cho các đối tượng hợp đồng lao động làm công việc hỗ trợ, phục vụ	360	360												
-	Chế độ, chính sách theo Nghị quyết số 23/2023/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Đắk Nông	10	10												
-	Phụ cấp dân quân tự vệ	12	12												
-	Trang phục thanh tra	12	12												
-	Hỗ trợ hoạt động của Cơ quan Thường trực và Tổ công tác Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	100	100												
-	Triển khai Đề án "Hỗ trợ hoạt động bình đẳng giới vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2018-2025"	150					150								
-	Thăm và tặng quà học sinh dân tộc thiểu số tỉnh Đắk Nông tại các Trường Dự bị đại học Dân tộc Trung ương	47					47								
-	Triển khai Điều tra, thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số	75					75								
-	Mua sắm trang thiết bị phòng cháy chữa cháy theo Thông tư 150/2020/TT-BCA	50	50												
28	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	211.384	92.237	347								118.800			
a	Lương và chi khác theo quy định	97.593	80.572									17.021			
-	Lương và chi khác theo quy định	86.595	80.572									6.023			
-	NSSN hỗ trợ/cấp chi thường xuyên cho đơn vị sự nghiệp công lập	10.998										10.998			
b	Chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo quy định	113.791	11.665	347								101.779			
-	Đào tạo theo định mức	347		347											
-	Chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP của Chính phủ	3.972	3.082									890			
-	Hỗ trợ tiền lương, tiền công lao động và chi hoạt động cho các đối tượng hợp đồng lao động làm công việc hỗ trợ, phục vụ	2.070	2.070												
-	Trang phục thanh tra, trang phục ngành	1.000	1.000												
-	Phụ cấp dân quân tự vệ	18	18												
-	Hỗ trợ hoạt động đại biểu Hội đồng nhân dân	10	10												
-	Thăm, tặng quà nhân dịp tết Nguyên đán theo Nghị quyết của HĐND tỉnh	495	370									125			
-	Hỗ trợ thực hiện hoạt động thu phí, lệ phí thuộc lĩnh vực ngành quản lý	90	90												
-	Tổ chức các hoạt động thanh tra, kiểm tra, xử phạt vi phạm hành chính thuộc ngành, lĩnh vực quản lý	700	700												
-	Thuê nhà Trạm trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Trạm Chăn nuôi và Thú y (Trạm kiểm dịch động vật, thực vật Đăk Per, Bu Prăng, Nội địa)	150										150			
-	Mua sắm tài sản của ngành và các đơn vị trực thuộc Sở	6.620	550									6.070			



STT	Tên đơn vị/ Nội dung	Tổng chi	DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NĂM 2025												
			QLHC	Giáo dục đào tạo	Y tế	VHTT	Xã hội	KHCN	PTTH	TDTT	Môi trường	Kinh tế	ANQP	Chi khác	
+	Mua sắm trang thiết bị phòng cháy chữa cháy theo Thông tư 150/2020/TT-BCA	50	50												
+	Xây dựng nền tảng dữ liệu số ngành nông nghiệp tỉnh Đắk Nông	2.070											2.070		
+	Hoàn thiện, chuẩn hóa hệ thống thực tế ảo 3D mô hình canh tác và hội chợ triển lãm nông sản tỉnh Đắk Nông để tích hợp lên sàn giao dịch thương mại điện tử	1.500											1.500		
+	Bản đồ số hóa quản lý trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản trên địa bàn tỉnh Đắk Nông	2.500											2.500		
+	Đánh giá, hoàn thiện hệ thống thông tin phục vụ công tác kết nối, liên thông, tích hợp dữ liệu ngành nông nghiệp với các ngành	500	500												
-	Sửa chữa lớn, bảo dưỡng tài sản công của các đơn vị trực thuộc Sở mà chi thường xuyên giao tự chủ của đơn vị không đảm bảo được kinh phí thực hiện	3.856	2.970										886		
+	Sửa chữa trụ sở làm việc hạt Kiểm lâm liên huyện Đắk Song - Đắk Mil	1.250	1.250												
+	Sửa chữa trụ sở làm việc hạt Kiểm lâm liên huyện Krông Nó - Cư Jú	1.720	1.720												
+	Sửa chữa trụ sở làm việc Ban quản lý rừng phòng hộ Vành đai biên giới	886											886		
-	Thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực ngành quản lý (đã bao gồm thực hiện Chuyên mục "Cảnh báo nguy cơ cháy rừng", sửa chữa bảng tuyên truyền, tuyên truyền cho người dân về Chương trình phòng, chống cháy có chứa chất ma túy)	1.400											1.400		
-	Đào tạo, tập huấn phát triển nguồn nhân lực trong lĩnh vực IPHM (Chương trình Quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp trên cây trồng chủ lực)	250											250		
-	Tổ chức Lễ phát động "Tết trồng cây đời đời nhớ ơn Bác Hồ" và trồng rừng tập trung, trồng cây phân tán	155	155												
-	Điều tra, kiểm kê rừng theo Kế hoạch số 463/KH-UBND ngày 16/7/2024 của UBND tỉnh	13.934											13.934		
-	Chương trình Phát triển Lâm nghiệp bền vững	44.062											44.062		
+	Bảo vệ rừng phòng hộ, rừng đặc dụng tại các Ban quản lý trực thuộc Sở	22.160											22.160		
+	Thực hiện đặt hàng bảo vệ rừng phòng hộ, rừng sản xuất là rừng tự nhiên đối với các Công ty lâm nghiệp nhà nước	21.902											21.902		
-	Quản lý bảo vệ rừng theo Nghị quyết số 60/2019/NQ-HĐND ngày 11/9/2019 (thực hiện đặt hàng đối với các Công ty lâm nghiệp nhà nước)	6.870											6.870		
-	Dự án Quản lý cảnh quan bền vững toàn diện thông qua cách tiếp cận địa bàn phát triển không gây mất rừng tại Lâm Đồng và Đắk Nông, Việt Nam (đã bao gồm vốn đối ứng của ngân sách địa phương)	8.608											8.608		
-	Điều tra, đánh giá, thu thập dữ liệu về bồi lắng, xói lở công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Đắk Nông	1.000											1.000		
-	Điều tra, khảo sát đánh giá cân bằng nước và khả năng lưu chuyển nước liên vùng/xuyên lưu vực nhằm đảm bảo cấp nước trong bối cảnh biến đổi khí hậu và phục vụ phát triển kinh tế xã hội	1.500											1.500		
-	Điều tra, đánh giá tổng thể nguồn nước và xây dựng kế hoạch sử dụng nước; giám sát dự báo nguồn nước trong công trình thủy lợi phục vụ công tác phòng chống hạn tỉnh Đắk Nông	3.000											3.000		
-	Điều tra thu thập số liệu, theo dõi đánh giá Bộ chỉ số nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh Đắk Nông	280											280		
-	Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) theo Quyết định 2053/QĐ-UBND ngày 12/12/2018 (Duy trì, quản lý và phát triển website chương trình OCOP tỉnh; tuyên truyền, quảng bá tại các huyện, thành phố)	54											54		
-	Đề án ổn định dân cư các xã khu vực biên giới gắn với tạo sinh kế cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi Việt Nam - Campuchia tại tỉnh Đắk Nông	1.000											1.000		
-	Xây dựng Đề án phát triển du lịch nông nghiệp nông thôn gắn với phát triển nông nghiệp xanh, bền vững trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2025-2030	300											300		
-	Quản lý, theo dõi và duy tu sửa chữa hệ thống bẫy đèn trên cây trồng	100	100												

STT	Tên đơn vị/ Nội dung	Tổng chi	DỰ TOÁN CHI THUỞNG XUYỀN NĂM 2025												
			QLHC	Giáo dục đào tạo	Y tế	VHTT	Xã hội	KHCN	PTTH	TDTT	Môi trường	Kinh tế	ANQP	Chi khác	
-	Hỗ trợ chi phí thẩm định, đánh giá điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm và kiểm tra, giám sát chất lượng, an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản trên địa bàn tỉnh (chi phí công tác lấy mẫu, phân tích mẫu)	50											50		
-	Phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm, thủy sản, bệnh thực vật (đã bao gồm kinh phí mua vắc xin phòng bệnh lở mồm long móng, vắc xin phòng, chống bệnh viêm da nổi cục trên trâu bò, vắc xin đại chó mè, mua hóa chất tiêu độc khử trùng, xét nghiệm và chuẩn đoán bệnh)	3.000											3.000		
-	Bình tuyển, công nhận một số cây đầu dòng, trong đó tập trung các cây trồng chủ lực, tiềm năng, thể mạnh của tỉnh, phù hợp phát triển trên địa bàn tỉnh Đắk Nông nhằm thực hiện nhiệm vụ "Hỗ trợ, đăng ký bảo hộ giống cây trồng mới đối với các sản phẩm nông nghiệp"; "Hỗ trợ khai thác giống cây trồng mới đối với các sản phẩm nông nghiệp"	250											250		
-	Tổ chức Hội nghị tổng kết cấp tỉnh về Chương trình tái canh, ghép cây tạo cà phê giai đoạn 2021-2025 được phê duyệt tại Quyết định số 961/QĐ-UBND ngày 08/7/2021	50	50												
-	Thực hiện Đề án phát triển thủy sản tỉnh Đắk Nông đến năm 2030, định hướng đến năm 2035; Chương trình bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản đến năm 2030 (bao gồm kinh phí thực hiện nhiệm vụ về giống thủy sản; nuôi trồng thủy sản; khai thác, bảo vệ và tái tạo nguồn lợi thủy sản).	200											200		
-	Kế hoạch khuyến nông cấp tỉnh (đã bao gồm kinh phí xây dựng mô hình trình diễn; đào tạo, tập huấn, thông tin tuyên truyền)	2.500											2.500		
-	Thực hiện các chương trình, đề án, nhiệm vụ thuộc lĩnh vực ngành quản lý (phân bổ theo chủ trương của cơ quan có thẩm quyền)	1.500	500										1.000		
-	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (bao gồm nguồn vốn Trung ương bổ sung có mục tiêu và vốn đối ứng của ngân sách tỉnh)	4.400											4.400		
+	Nội dung thành phần số 03: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn; triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) nhằm nâng cao giá trị gia tăng, phù hợp với quá trình chuyển đổi số, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển mạnh ngành nghề nông thôn; phát triển du lịch nông thôn; nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã; hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp ở nông thôn; nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn... góp phần nâng cao thu nhập người dân theo hướng bền vững.	1.700											1.700		
++	Nội dung 02: Xây dựng và phát triển hiệu quả các vùng nguyên liệu tập trung, cơ giới hóa đồng bộ, nâng cao năng lực chế biến và bảo quản nông sản theo các mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị gắn với tiêu chuẩn chất lượng và mã vùng nguyên liệu; ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại, chuyển đổi cơ cấu sản xuất, góp phần thúc đẩy chuyển đổi số trong nông nghiệp.	300											300		
++	Nội dung 04: Thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm	1.400											1.400		
+	Nội dung thành phần số 07: Nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam.	900											900		
++	Nội dung 05: Giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống nông thôn Việt Nam; tập trung phát triển các mô hình thôn xóm, xanh, sạch, đẹp, an toàn, khu dân cư kiểu mẫu	900											900		
+	Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện chương trình; xây dựng nông thôn mới; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới	1.800											1.800		
++	Nội dung 01: Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình; xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá; nhân rộng mô hình giám sát an ninh hiện đại và giám sát của cộng đồng	1.800											1.800		
29	Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn	19.389	614		2								18.773		
a	Lương và chi khác theo quy định	584	584												
b	Chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo quy định	18.805	30		2								18.773		

STT	Tên đơn vị/ Nội dung	Tổng chi	DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NĂM 2025											
			QLHC	Giáo dục đào tạo	Y tế	VHTT	Xã hội	KHCN	PTTH	TDTT	Môi trường	Kinh tế	ANQP	Chi khác
-	Đào tạo theo định mức	2		2										
-	Thăm, tặng quà nhân dịp tết Nguyên đán theo Nghị quyết của HĐND tỉnh	2	2											
-	Chế độ tiền thường theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP của Chính phủ	28	28											
-	Hỗ trợ hoạt động thường xuyên của Ban Chỉ huy cấp tỉnh, bộ phận làm nhiệm vụ của Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy cấp tỉnh (phụ cấp trực phòng chống thiên tai, dịch vụ công cộng, văn phòng phẩm, công tác phí, thuê mượn, mua sắm sửa chữa trang thiết bị tài sản, khen thưởng, hỗ trợ tiền ăn...)	993										993		
-	Chi quản lý vận hành hệ thống cung cấp, truyền tải thông tin phục vụ phòng, chống thiên tai (đã bao gồm kinh phí cắm mốc hành lang thoát lũ vùng hạ lưu một số hồ đập thủy lợi và một số tuyến suối chính trên địa bàn tỉnh; ứng dụng công nghệ viễn thám GIS đánh giá, theo dõi, giám sát một số loại hình thiên tai trên địa bàn tỉnh; quản lý vận hành, cập nhật số liệu phần mềm theo dõi, giám sát phòng chống thiên tai trên địa bàn tỉnh; theo dõi, cập nhật số liệu, tính toán dự báo vận hành và giám sát điều tiết hồ thủy điện Buôn Tua Srah)	2.650											2.650	
-	Các hoạt động thông tin, tuyên truyền (đã bao gồm duy trì hoạt động Trang thông tin chuyên dùng của Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh; in tờ rơi, pa nô, áp phích; xây dựng, lắp đặt biển cảnh báo nguy hiểm tại các điểm có nguy cơ cao xảy ra thiên tai và cung cấp thông tin...)	300											300	
-	Xây dựng bộ công cụ hỗ trợ ra quyết định với tình huống xử lý khẩn cấp, lũ cực lớn, lũ do vỡ đập và đánh giá định lượng tác động cho các hồ chứa thủy lợi trên địa bàn huyện Đắk R'Lấp, Tuy Đức	1.200											1.200	
-	Tập huấn về phòng chống thiên tai cho các lực lượng tham gia hoạt động phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn	240											240	
+	Tập huấn kỹ năng phòng ngừa, ứng phó thiên tai, thích ứng biến đổi khí hậu cho người dân và doanh nghiệp	120											120	
+	Tập huấn nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng	120											120	
-	Hướng dẫn tổ chức, hộ gia đình chuẩn bị nhân lực, vật lực, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm phục vụ hoạt động phòng chống thiên tai	90											90	
-	Khảo sát, đánh giá hiện trạng dân cư vùng bị ảnh hưởng bởi thiên tai lũ, ngập lụt, sạt lở trọng điểm và đề xuất nhiệm vụ, giải pháp sắp xếp, di dời dân cư tại các khu vực không đảm bảo an toàn tại huyện Cư Júit, Đắk Mil, Đắk Song, Đắk R'Lấp, Đắk Glong, Tuy Đức	2.000											2.000	
-	Khảo sát, đánh giá hiện trạng các công trình, vật cản trên các tuyến thoát lũ trọng điểm gây tác động ngập lụt lớn và đề xuất giải pháp xử lý, giảm thiểu tác động cản trở thoát lũ, thông thoáng dòng chảy trên địa bàn các huyện Krông Nô, Đắk Song, Đắk Glong	800											800	
-	Khảo sát, đánh giá và đề xuất phương án chỉnh trị, xây dựng hệ thống tiêu thoát nước một số tuyến sông, suối với diện tích đất có thể khai thác sử dụng lớn nhưng thường xuyên bị ngập, ứng phục vụ khai thác nâng cao hiệu suất sử dụng đất, sản xuất 02 vụ ổn định và giảm thiểu ảnh hưởng ngập lụt, ủng hộ dân sinh, cơ sở hạ tầng	1.500											1.500	
-	Xây dựng Kế hoạch quản lý lũ tổng hợp lưu vực sông Đắk Nông, tỉnh Đắk Nông thích ứng với biến đổi khí hậu	2.500											2.500	
-	Nghiên cứu xây dựng công nghệ dự báo nguồn nước mặt phục vụ bảo đảm an ninh nguồn nước trên địa bàn tỉnh Đắk Nông	2.000											2.000	
-	Điều tra khảo sát lập cơ sở dữ liệu về tình hình khai thác, sử dụng nước ngầm, nước mặt trong các giai đoạn hạn hán hàng năm phục vụ sản xuất nông nghiệp, phòng chống hạn hán trên địa bàn huyện Đắk Mil, huyện Đắk Glong tỉnh Đắk Nông	1.000											1.000	
-	Phân vùng mức độ sử dụng chi số hạn tổng hợp nhằm khai thác hợp lý nguồn nước ngầm trên địa bàn tỉnh Đắk Nông	1.000											1.000	
-	Xây dựng hệ thống giám sát, cảnh báo sạt lở đất trên địa bàn tỉnh Đắk Nông	2.500											2.500	
30	Văn phòng Điều phối Nông thôn mới	3.399	3.396	3										
a	Lương và chi khác theo quy định	850	850											

STT	Tên đơn vị/ Nội dung	Tổng chi	DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NĂM 2025												
			QLHC	Giáo dục đào tạo	Y tế	VHTT	Xã hội	KHCN	PTTH	TDĐT	Môi trường	Kinh tế	ANQP	Chi khác	
b	Chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo quy định	2.549	2.546	3											
-	Đào tạo theo định mức	3		3											
-	Chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP của Chính phủ	44	44												
-	Thăm, tặng quà nhân dịp Tết Nguyên đán theo Nghị quyết của HĐND tỉnh	2	2												
-	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (bao gồm nguồn vốn Trung ương bổ sung có mục tiêu và vốn đối ứng của ngân sách tỉnh)	2.500	2.500												
+	Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện chương trình; xây dựng nông thôn mới; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới	2.500	2.500												
++	Nội dung 01: Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình; xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá; nhân rộng mô hình giám sát an ninh hiện đại và giám sát của cộng đồng	2.500	2.500												
31	Ban Quản lý Vườn Quốc gia Tà Đùng	9.325	5.053	14										4.258	
a	Lương và chi khác theo quy định	4.821	4.821												
b	Chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo quy định	4.504	232	14										4.258	
-	Đào tạo theo định mức	14		14											
-	Chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP của Chính phủ	156	156												
-	Trang phục ngành	67	67												
-	Thăm, tặng quà nhân dịp tết Nguyên đán theo Nghị quyết của HĐND tỉnh	22	9											13	
-	Kiểm kê rừng theo Kế hoạch số 463/KH-UBND ngày 16/7/2024 của UBND tỉnh	1.700												1.700	
-	Chương trình Phát triển Lâm nghiệp bền vững	2.545												2.545	
32	Sở Tài nguyên và Môi trường	65.859	14.161	59								5.584	46.055		
a	Lương và chi khác theo quy định	13.477	11.694									849	934		
-	Lương và chi khác theo quy định của quản lý nhà nước	11.694	11.694												
-	NSNN cấp/hỗ trợ chi thường xuyên cho đơn vị sự nghiệp công lập	1.783										849	934		
b	Chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo quy định	52.382	2.467	59								4.735	45.121		
-	Đào tạo theo định mức	59		59											
-	Phụ cấp dân quân tự vệ	18	18												
-	Hỗ trợ tiền lương, tiền công lao động và chi hoạt động cho các đối tượng hợp đồng lao động làm công việc hỗ trợ, phục vụ	450	450												
-	Chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP của Chính phủ	764	556									94	114		
-	Trang phục thanh tra	13	13												
-	Thăm, tặng quà nhân dịp tết Nguyên đán theo Nghị quyết của HĐND tỉnh	171	30									11	130		
-	Sửa chữa trụ sở làm việc của Trung tâm Phát triển quỹ đất	450											450		
-	Mua sắm trang thiết bị phòng cháy chữa cháy theo Thông tư số 150/2020/TT-BCA	50	50												
-	Đánh giá hiệu quả kinh tế xã hội việc thu hồi khoáng sản bô xít tại một số dự án đầu tư công cấp bách nằm trong quy hoạch thăm dò, khai thác bô xít trên địa bàn tỉnh	1.000	1.000												
-	Thực hiện công tác thông tin, truyền thông các nhiệm vụ, chính sách thuộc lĩnh vực, ngành quản lý, trong đó:	990	350									640			
+	Thông tin, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng	350	350												
+	Tuyên truyền, tập huấn, phổ biến pháp luật và xây dựng các mô hình về bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học, biến đổi khí hậu và hưởng ứng các ngày lễ về môi trường	500										500			
+	Tập huấn hướng dẫn về kỹ thuật phân loại, thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn cho lực lượng tuyên truyền nông cốt trên địa bàn tỉnh Đắk Nông	90										90			
+	Xây dựng và cấp sổ tay hướng dẫn thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt	50										50			
-	Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phương án cải tạo phục hồi môi trường; thực hiện cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh giấy phép môi trường; giám sát quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải sau khi được cấp giấy phép môi trường	150										150			
-	Thẩm định tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp để phục vụ công tác thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp	40										40			

STT	Tên đơn vị/ Nội dung	Tổng chi	DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NĂM 2025												
			QLHC	Giáo dục đào tạo	Y tế	VHTT	Xã hội	KHCN	PTTH	TDTT	Môi trường	Kinh tế	ANQP	Chi khác	
-	Hỗ trợ chi phí lấy mẫu, phân tích mẫu phục vụ công tác thanh, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường	150										150			
-	Hỗ trợ chi phí thẩm định phương án giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt	100										100			
-	Điều tra, đánh giá khả năng chịu tải của môi trường các lưu vực sông, suối nội tỉnh là hợp lưu của sông Srêpôk tại huyện Cư Jút, Krông Nô, Đắk Mil và lập bản đồ vùng xả thải	1.500										1.500			
-	Báo cáo Hiện trạng môi trường tỉnh Đắk Nông 5 năm giai đoạn 2021-2025	300										300			
-	Quan trắc môi trường hàng năm	1.000										1.000			
-	Vận hành, duy trì, tiếp nhận, xử lý số liệu của các trạm quan trắc trên địa bàn tỉnh; hiệu chuẩn bảo dưỡng, bảo trì thiết bị quan trắc môi trường	600										600			
-	Điều chỉnh quy hoạch mạng lưới quan trắc trên địa bàn tỉnh Đắk Nông	150										150			
-	Kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất	1.200											1.200		
-	Xây dựng bảng giá đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông	2.000											2.000		
-	Xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật về lĩnh vực đất đai để áp dụng tại tỉnh Đắk Nông (gồm: (1) Định mức kinh tế - kỹ thuật thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất; (2) Định mức kinh tế - kỹ thuật để lập dự toán ngân sách nhà nước phục vụ công tác định giá đất; (3) Định mức kinh tế - kỹ thuật lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; (4) Định mức kinh tế kỹ thuật lập phương án sử dụng đất đối với quỹ đất thu hồi của các Công ty nông, lâm nghiệp giao địa phương quản lý (5) Định mức kinh tế - kỹ thuật đo đạc, lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp GCNQSDĐ, quyền sử hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất	500											500		
-	Đo đạc, lập bản đồ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý đất đai (giải ngân theo tiến độ thu)	37.820											37.820		
-	Lập kế hoạch sử dụng đất 5 năm cấp tỉnh giai đoạn 2021-2025	410											410		
-	Định giá đất cụ thể	300											300		
-	Thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	500											500		
-	Điều tra, khoanh định vùng hạn chế khai thác nước dưới đất, khu vực phải đăng ký khai thác nước dưới đất - tỉnh Đắk Nông	127											127		
-	Tổng kiểm kê tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh, đến giai đoạn 2025	1.500											1.500		
-	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (bao gồm nguồn vốn Trung ương bổ sung có mục tiêu và vốn đối ứng của ngân sách tỉnh)	70											70		
+	Nội dung thành phần số 07: Nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam.	70											70		
++	Nội dung 07: Triển khai hiệu quả Chương trình "Tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025	70											70		
33	Sở Khoa học và Công nghệ	21.762	7.918	44								13.800			
a	Lương và chi khác theo quy định	9.383	7.101									2.282			
-	Lương và chi khác theo quy định của quản lý nhà nước	7.101	7.101												
-	NSNN hỗ trợ/cấp chi thường xuyên cho đơn vị sự nghiệp công lập	2.282										2.282			
b	Chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo quy định	12.379	817	44								11.518			
-	Đào tạo theo định mức	44		44											
-	Hỗ trợ tiền lương, tiền công lao động và chi hoạt động cho các đối tượng hợp đồng lao động làm công việc hỗ trợ, phục vụ	360	360												
-	Trang phục thanh tra	15	15												
-	Phụ cấp Dân quân tự vệ	18	18												
-	Hỗ trợ hoạt động đại biểu Hội đồng nhân dân	10	10												
-	Chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP của Chính phủ	528	394									134			
-	Thăm, tặng quà nhân dịp tết Nguyên đán theo Nghị quyết của HĐND tỉnh	31	20									11			

STT	Tên đơn vị/ Nội dung	Tổng chi	DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NĂM 2025											
			QLHC	Giáo dục đào tạo	Y tế	VHTT	Xã hội	KHCN	PTTH	TDĐT	Môi trường	Kinh tế	ANQP	Chi khác
-	Thực hiện nhiệm vụ thông tin, thống kê khoa học và công nghệ; hỗ trợ chuyển giao công nghệ; ...	674						674						
-	Hoạt động tiêu chuẩn đo lường chất lượng	250						250						
-	Hoạt động thanh tra khoa học công nghệ	200						200						
-	Hỗ trợ đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ; đánh giá, thẩm định, giám định công nghệ, hội đồng sáng kiến; quản lý nhiệm vụ khoa học công nghệ...	450						450						
-	Tổ chức tập huấn, hội nghị, hội thảo ngành và hợp tác quốc tế	80						80						
-	Đề án phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2030; phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ	500						500						
-	Triển khai áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc; nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm hàng hóa trên địa bàn tỉnh	250						250						
-	Triển khai ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2024-2030	180						180						
-	Nhiệm vụ nghiên cứu khoa học công nghệ (chuyên tiếp)	7.289						7.289						
+	Đánh giá, chọn lọc các giống và xây dựng quy trình canh tác, chế biến sâu tạo sản phẩm từ cây MACADIMIA (Macca in tergrifolia) trên địa bàn huyện Tuy Đức tỉnh Đắk Nông	350						350						
+	Nghiên cứu các loài chè phân bố tại Vườn quốc gia Tà Đùng, xác định giá trị và đề ra các giải pháp bảo tồn, phát triển có hiệu quả	37						37						
+	Nghiên cứu xây dựng mô hình nhân giống, trồng thử nghiệm và phát triển sản phẩm cây an xoa (Helicteres isora) tại tỉnh Đắk Nông	400						400						
+	Nghiên cứu thiết kế, chế tạo mẫu liên hợp máy thu hoạch Cà phê phù hợp điều kiện canh tác tại Đắk Nông	46						46						
+	Nghiên cứu ứng dụng các giải pháp khoa học và công nghệ trong bảo quản và chế biến quả Chanh dây tại tỉnh Đắk Nông và khu vực Tây Nguyên	309						309						
+	Nghiên cứu công nghệ thiết kế và chế tạo hệ thống thiết bị đồng bộ để sơ chế và bảo quản Mắc Ca tại Đắk Nông và Tây Nguyên	113						113						
+	Công tác lãnh đạo của các cấp ủy đảng đối với việc tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo của dân trên địa bàn tỉnh Đắk Nông	40						40						
+	Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong hệ thống chính trị tỉnh Đắk Nông đến năm 2030	245						245						
+	Nghiên cứu biện pháp bảo quản và sử dụng vỏ chanh leo làm thức ăn cho bò thịt ở tỉnh Đắk Nông	528						528						
+	Nghiên cứu phát triển sản phẩm thương mại từ nấm Linh chi (thuộc họ Ganodermatace Donk) có nguồn gốc từ Vườn quốc gia Tà Đùng	341						341						
+	Nghiên cứu chiết xuất, đánh giá tác dụng dược lý và bào chế tạo sản phẩm hỗ trợ phòng và điều trị bệnh mỡ máu cao, viêm loét dạ dày từ nguồn nguyên liệu lá Bơ (Persea americana) tại tỉnh Đắk Nông	1.130						1.130						
+	Thử nghiệm nhân giống và phát triển sản phẩm từ cây Cốt toát bố tại tỉnh Đắk Nông	376						376						
+	Giải pháp phát triển liên kết sản xuất và kết nối tiêu thụ một số sản phẩm nông sản chủ lực và tiềm năng trên địa bàn tỉnh đến năm 2030	251						251						
+	Ứng dụng công nghệ địa không gian để thiết lập bản đồ phân vùng cấp độ rủi ro cho vùng trồng cà phê tỉnh Đắk Nông đáp ứng yêu cầu EUIDR	773						773						
+	Nghiên cứu, phục tráng và bảo tồn giống lúa đôi địa phương tại xã Năm Nung, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông	300						300						
+	Nghiên cứu xây dựng quy trình quản lý tổng hợp (ICM) theo hướng sinh học cho cây sầu riêng tại tỉnh Đắk Nông	500						500						
+	Nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị cho đội ngũ cán bộ, đảng viên trên địa bàn tỉnh Đắk Nông hiện nay	200						200						
+	Đề án xây dựng và phát triển tỉnh Đắk Nông trở thành trung tâm công nghiệp khai thác, chế biến bô xít - alumin - nhôm đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	500						500						

STT	Tên đơn vị/ Nội dung	Tổng chi	DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NĂM 2025												
			QLHC	Giáo dục đào tạo	Y tế	VHTT	Xã hội	KHCN	PTTH	TDĐT	Môi trường	Kinh tế	ANQP	Chi khác	
+	Công tác bảo đảm an ninh, trật tự trong thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Đắk Nông	250								250					
+	Nghiên cứu quy trình bào chế và tiêu chuẩn dược liệu Nghệ bò cạp (<i>Curcuma sp.</i>) ở Đắk Nông, tạo nguyên liệu phục vụ đánh giá hoạt tính kháng viêm	300								300					
+	Nghiên cứu nâng cao chỉ số năng suất các yếu tố tổng hợp (TFP) gắn với phát triển kinh tế của tỉnh Đắk Nông đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 (Giai đoạn 2: Đánh giá hiện trạng, tiềm lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; đề xuất các giải pháp thúc đẩy hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo nhằm nâng cao vai trò của chỉ số TFP trong tăng trưởng kinh tế của tỉnh).	300								300					
-	Nhiệm vụ nghiên cứu khoa học công nghệ (mới)	1.500								1.500					
+	Nghiên cứu quy trình công nghệ làm giàu tinh bột kháng tiêu ứng dụng để chế biến thực phẩm giảm sinh đường từ một số loại dược liệu trên địa bàn tỉnh Đắk Nông	300								300					
+	Nghiên cứu chế tạo phân bón vi sinh đặc hữu nhằm tăng tính chịu hạn cho cây trồng tại tỉnh Đắk Nông	300								300					
+	Xây dựng mô hình hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Đắk Nông áp dụng hệ thống quản lý nhằm nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa	300								300					
+	Thực trạng và giải pháp phát triển kỹ năng thực hành xã hội cho học sinh dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Đắk Nông	300								300					
+	Thực trạng và giải pháp nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố, kiểm sát việc khám nghiệm hiện trường trên địa bàn tỉnh Đắk Nông	300								300					
34	Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh	3.437	1.782	5						1.650					
a	Lương và chi khác theo quy định	1.377	1.377												
b	Chế độ, chính sách nhiệm vụ theo quy định	2.060	405	5						1.650					
-	Đào tạo theo định mức	5		5											
-	Hỗ trợ hoạt động đại biểu Hội đồng nhân dân	10	10												
-	Thăm, tặng quà nhân dịp tết Nguyên đán theo Nghị quyết của HĐND tỉnh	4	4												
-	Hỗ trợ thực hiện chuyên mục đổi mới sáng tạo	240								240					
-	Hỗ trợ Tập san tri thức và cuộc sống Liên hiệp Hội	189	189												
-	Hỗ trợ tổ chức Cuộc thi sáng tạo dành cho thanh thiếu niên nhi đồng tỉnh Đắk Nông	620								620					
-	Hỗ trợ tổ chức Hội thi sáng tạo kỹ thuật tỉnh Đắk Nông	550								550					
-	Hỗ trợ thực hiện tư vấn, phân biện, giám định xã hội; tổ chức Hội thảo khoa học	240								240					
-	Hỗ trợ tổ chức Đại hội Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Đắk Nông nhiệm kỳ III năm 2025-2030	202	202												
35	Liên minh Hợp tác xã	7.064	4.526	14									2.524		
a	Lương và chi khác theo quy định	3.431	3.431												
b	Chế độ, chính sách nhiệm vụ theo quy định	3.633	1.095	14									2.524		
-	Đào tạo theo định mức	14		14											
-	Chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	186	186												
-	Thăm, tặng quà nhân dịp tết Nguyên đán theo Nghị quyết của HĐND tỉnh	9	9												
-	Hỗ trợ tổ chức Hội nghị Ban Thường vụ, Ban chấp hành Liên minh Hợp tác xã và tổng kết phong trào kinh tế tập thể năm 2025	120	120												
-	Hỗ trợ hoạt động cho Ban chỉ đạo phát triển kinh tế tập thể	110	110												
-	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (bao gồm nguồn vốn Trung ương bổ sung có mục tiêu và vốn đối ứng của ngân sách tỉnh)	2.524											2.524		
+	Nội dung thành phần số 03: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn	2.524											2.524		
+	Nội dung 5: Nâng cao hiệu quả hoạt động của các hình thức tổ chức sản xuất	2.524											2.524		
-	Hỗ trợ tổ chức: Kỷ niệm ngày Hợp tác xã Việt Nam 11/4; Hội nghị biểu dương điển hình tiên tiến; Đại hội Liên minh HTX lần thứ IV, nhiệm kỳ 2025-2030 và dự Đại hội cấp trên	670	670												
36	Hội Cựu thanh niên xung phong	830	828	2											

STT	Tên đơn vị/ Nội dung	Tổng chi	DỰ TOÁN CHI THUỞNG XUYỀN NĂM 2025												
			QLHC	Giáo dục đào tạo	Y tế	VHTT	Xã hội	KHCN	PTTH	TDĐT	Môi trường	Kinh tế	ANQP	Chi khác	
a	Lương và chi khác theo quy định	466	466												
b	Chế độ, chính sách nhiệm vụ theo quy định	364	362	2											
-	Đào tạo theo định mức	2		2											
-	Thù lao cho Lãnh đạo chuyên trách	140	140												
-	Thăm, tặng quà nhân dịp Tết Nguyên đán theo Nghị quyết của HĐND tỉnh	2	2												
-	Hỗ trợ thực hiện: khảo sát xác minh Cựu Thanh niên xung phong có hoàn cảnh khó khăn; tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng cho cán bộ hội cơ sở; kỷ niệm ngày truyền thống lực lượng Thanh niên xung phong; sơ kết giữa nhiệm kỳ thực hiện nghị quyết đại hội đại biểu Hội Cựu TNXP tỉnh lần thứ IV, sơ kết, tổng kết công tác Hội và tham gia một số hoạt động, chương trình của trung ương Hội (bao gồm chế độ cho đối tượng không hưởng lương từ NSNN)	220	220												
37	Hội Chữ thập đỏ tỉnh	3.039	3.030	9											
a	Lương và chi khác theo quy định	1.996	1.996												
b	Chế độ, chính sách nhiệm vụ theo quy định	1.043	1.034	9											
-	Đào tạo theo định mức	9		9											
-	Chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	108	108												
-	Thăm, tặng quà nhân dịp Tết Nguyên đán theo Nghị quyết của HĐND tỉnh	6	6												
-	Hỗ trợ các hoạt động: Tết nhân ái; Tháng nhân đạo; Hội nghị tập huấn công tác hội; Hội nghị tập huấn sơ cấp cứu cộng đồng, ứng phó thảm họa; Thực hiện chuyên mục nhân đạo; Đón tiếp các đoàn tới tỉnh thực hiện các hoạt động từ thiện, nhân đạo; Vận động nguồn lực; Vận chuyển hàng cứu trợ; Tổ chức tặng quà cho người dân khó khăn tại tỉnh Mondulakiri/Campuchia; Quản lý bếp ăn tình thương; Chăm sóc sức khỏe đưa vào cộng đồng; Chương trình dinh dưỡng cho trẻ em nghèo khuyết tật; Chương trình trường tới trường kết nối yêu thương; Thăm tặng quà ngày thương binh liệt sỹ; Hội nghị điển hình tiên tiến Hội chữ thập đỏ lần thứ V và sơ kết 05 năm tháng nhân đạo ...	920	920												
38	Hội Nạn nhân CDDC/Dioxin tỉnh Đăk Nông	862	860	2											
b	Lương và chi khác theo quy định	560	560												
b	Chế độ, chính sách nhiệm vụ theo quy định	302	300	2											
-	Đào tạo theo định mức	2		2											
-	Chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	47	47												
-	Thù lao cho Lãnh đạo chuyên trách	140	140												
-	Thăm, tặng quà nhân dịp Tết Nguyên đán theo Nghị quyết của HĐND tỉnh	2	2												
-	Hỗ trợ cho các đối tượng không hưởng lương từ NSNN tham dự Hội nghị do Trung ương Hội, Ban Thường vụ, Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra tỉnh Hội tổ chức	40	40												
-	Hỗ trợ tổ chức thăm, tặng quà cho nạn nhân da cam nhân dịp Tết, Ngày vì nạn nhân chất độc da cam/dioxin 10-8; mua ấn phẩm của Trung ương hội làm tài liệu tuyên truyền	71	71												
39	Hội Người cao tuổi tỉnh	1.132	1.130	2											
a	Lương và chi khác theo quy định	456	456												
b	Chế độ, chính sách nhiệm vụ theo quy định	676	674	2											
-	Đào tạo theo định mức	2		2											
-	Thù lao cho Lãnh đạo chuyên trách	266	266												
-	Thăm, tặng quà nhân dịp Tết Nguyên đán theo Nghị quyết của HĐND tỉnh	3	3												
-	Hỗ trợ cho các đối tượng không hưởng lương từ NSNN tham dự hội nghị giao ban cụm; hoạt động của tỉnh và trung ương hội tổ chức	75	75												
-	Hỗ trợ tổ chức các hoạt động gồm: Tổ chức kỷ niệm 30 năm ngày thành lập HNCTVN; Giao ban cụm trung ương cụm thi đua số XII tại Đăk Nông; Tổng kết 05 năm thực hiện Đề án 1336; Tháng hành động vì Người cao tuổi Việt Nam; Tổ chức cuộc thi Người cao tuổi hạnh phúc cấp tỉnh, tham dự cuộc thi cấp toàn quốc năm 2025; Đưa đoàn đại biểu tham dự Hội nghị biểu dương NCT tiêu biểu tham gia xây dựng hệ thống chính trị cơ sở cấp Trung ương	330	330												

STT	Tên đơn vị/ Nội dung	Tổng chi	DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NĂM 2025													
			QLHC	Giáo dục đào tạo	Y tế	VHTT	Xã hội	KHCN	PTTH	TDĐT	Môi trường	Kinh tế	ANQP	Chi khác		
40	Hội Nhà báo tỉnh	1.635	933													
a	Lương và chi khác theo quy định	362	362	2	700											
b	Chế độ, chính sách nhiệm vụ theo quy định	1.273	571	2	700											
-	Đào tạo theo định mức	2		2												
-	Thăm, tặng quà nhân dịp tết Nguyên đán theo Nghị quyết của HĐND tỉnh	1	1													
-	Hỗ trợ thực hiện tập san người làm báo	210			210											
-	Hỗ trợ tổ chức: Hội báo tỉnh; Giải thưởng báo chí tỉnh; kỷ niệm 100 năm ngày báo chí cách mạng Việt Nam	500	170		330											
-	Hỗ trợ tham gia các cuộc họp, hội nghị do Trung ương Hội và các tỉnh bạn mời: hội báo toàn quốc; giao ban cụm 05 tỉnh Tây Nguyên; dự lễ trao giải báo chí quốc gia; các cuộc họp, hội nghị tổng kết thi đua toàn quốc; hội thao Hội Nhà báo 5 tỉnh Tây Nguyên mở rộng; sơ kết phong trào thi đua xây dựng môi trường văn hoá trong các cơ quan báo chí; tập huấn nghiệp vụ báo chí...;	250	250													
-	Hỗ trợ tổ chức Đại hội Hội Nhà báo tỉnh	150	150													
-	Hỗ trợ tác phẩm báo chí chất lượng cao	160			160											
41	Hội Khuyến học tỉnh	676	674	2												
a	Lương và chi khác theo quy định	478	478													
b	Chế độ, chính sách nhiệm vụ theo quy định	198	196	2												
-	Đào tạo theo định mức	2		2												
-	Thù lao cho Lãnh đạo chuyên trách	126	126													
-	Thăm, tặng quà nhân dịp tết Nguyên đán theo Nghị quyết của HĐND tỉnh	2	2													
-	Hỗ trợ tập huấn, kiểm tra sử dụng phần mềm đánh giá tiêu chí xây dựng các mô hình học tập theo Kế hoạch 616/KH-UBND ngày 21/10/2022; tham dự các hoạt động do Trung ương Hội tổ chức (bao gồm chế độ cho đại biểu không hưởng lương);...	68	68													
42	Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh	5.570	2.499	7	3.064											
a	Lương và chi khác theo quy định	1.808	1.808													
b	Chế độ, chính sách nhiệm vụ theo quy định	3.762	691	7	3.064											
-	Đào tạo theo định mức	7		7												
-	Chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	96	96													
-	Thăm, tặng quà nhân dịp tết Nguyên đán theo Nghị quyết của HĐND tỉnh	5	5													
-	Hỗ trợ xuất bản Tạp chí Năm Nung (bao gồm: chuyên trang về đời sống văn hóa, văn nghệ dân gian của các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh; các hoạt động gắn với Công viên địa chất toàn cầu; trao tặng thưởng trên tạp chí Năm Nung; phát hành tạp chí Năm Nung đến đồng bào dân tộc thiểu số là người có uy tín, già làng, trưởng thôn, buôn, bon và các trường học; ...)	1.900			1.900											
-	Hỗ trợ tổ chức các hoạt động của hội (Trại sáng tác Văn học Nghệ thuật Thiếu nhi hè; các lớp tập huấn sáng tác; đêm thơ Nguyên tiêu, gặp mặt Văn nghệ sĩ đầu năm; tác hoạt động Ngày Sách và Văn hóa đọc Việt Nam; khen thưởng hội viên các chi hội; tổ chức các hoạt động ngày truyền thống Hội chuyên ngành Trung ương;...)	750			750											
-	Hỗ trợ tham gia: Liên hoan ảnh nghệ thuật; Liên hoan âm nhạc; Triển lãm mỹ thuật	220	220													
-	Hỗ trợ tổ chức: các hoạt động kỷ niệm 50 năm nền văn học Nghệ thuật; Đại hội chuyên ngành tại địa phương và tham dự Đại hội chuyên ngành Trung ương, Đại hội Liên hiệp các Hội văn học nghệ thuật Việt Nam; cuộc thi viết về gương gia đình tiêu biểu, xây dựng, giữ gìn phát huy bản sắc văn hoá dân tộc năm 2025...	370	370													
-	Hỗ trợ hoạt động sáng tạo tác phẩm, công trình văn học nghệ thuật	414			414											
43	Hội Đông y tỉnh	1.218	1.213	5												
a	Lương và chi khác theo quy định	1.142	1.142													
b	Chế độ, chính sách nhiệm vụ theo quy định	76	71	5												
-	Đào tạo theo định mức	5		5												
-	Thăm, tặng quà nhân dịp tết Nguyên đán theo Nghị quyết của HĐND tỉnh	3	3													

STT	Tên đơn vị/ Nội dung	Tổng chi	DỰ TOÁN CHI THUỞNG XUYỀN NĂM 2025													
			QLHC	Giáo dục đào tạo	Y tế	VHTT	Xã hội	KHCN	PTTH	TDĐT	Môi trường	Kinh tế	ANQP	Chi khác		
-	Hỗ trợ thực hiện: tuyên truyền, hướng dẫn trồng, sử dụng và khai thác, chế biến các dược liệu có sẵn tại địa phương để làm thuốc chữa bệnh; tọa đàm tưởng niệm 234 năm ngày mất của Đại y tông Hải Thượng Lãn ông Lê Hữu Trác (1724-1791); tham dự Đại hội Trung ương	68	68													
44	Hội Hữu nghị Việt Nam - Campuchia tỉnh	1.013	1.011	2												
a	Lương và chi khác theo quy định	497	497													
b	Chế độ, chính sách nhiệm vụ theo quy định	516	514	2												
-	Đào tạo theo định mức	2		2												
-	Thù lao cho Lãnh đạo chuyên trách	266	266													
-	Thăm, tặng quà nhân dịp tết Nguyên đán theo Nghị quyết của HĐND tỉnh	3	3													
-	Hỗ trợ thực hiện công tác đối ngoại gồm: giao ban thường kỳ giữa hai Hội Việt Nam - Campuchia tỉnh Đắk Nông; thăm bà con Việt Kiều và các hoạt động theo chỉ đạo của tỉnh	150	150													
-	Hỗ trợ thực hiện: đưa đoàn chuyên gia quân, tình nguyện thăm lại chiến trường xưa tại các tỉnh Miền Tây, Miền đông Nam bộ; làm phim tài liệu, phóng sự xây dựng đường biên giới tại 04 huyện biên giới; thăm, làm việc học tập kinh nghiệm về công tác Hội (bao gồm chế độ cho đại biểu không hưởng lương từ NSNN)	95	95													
45	Hội Luật gia tỉnh	354	354													
a	Lương và chi khác theo quy định	123	123													
b	Chế độ, chính sách nhiệm vụ theo quy định	231	231													
-	Thăm, tặng quà nhân dịp tết Nguyên đán theo Nghị quyết của HĐND tỉnh	1	1													
-	Hỗ trợ kinh phí thực hiện tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, tư vấn, trợ giúp pháp lý, tổ chức ngày pháp luật Việt Nam....	150	150													
-	Hỗ trợ kinh phí tổ chức Hội nghị tổng kết, sơ kết, tham dự các Hội nghị do trung ương tổ chức	35	35													
-	Kinh phí tổ chức tổng kết cụm thi đua số 4 (cụm trường)	45	45													
46	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	34.844		1.600								2.469	30.775			
a	Các nhiệm vụ ngân sách địa phương đảm bảo	25.825		1.600									24.225			
b	Ngân sách địa phương hỗ trợ một số nhiệm vụ phục vụ công tác quốc phòng	6.550											6.550			
-	Xây dựng, sửa chữa, nâng cấp các Sở Chỉ huy, các công trình chiến đấu và phục vụ chiến đấu, trụ sở làm việc, doanh trại, kho tàng, ... của đơn vị quân sự địa phương, biên phòng và các đơn vị quân đội chủ lực khác	4.150											4.150			
+	Sửa chữa nhà ở, đường cho Đại đội 74 (cũ), Trung đội vệ binh, nhà trực các cơ quan	3.200											3.200			
+	Sửa chữa hầm họp Hội đồng nhân dân tỉnh trong khu CCCCĐ	950											950			
-	Mua sắm, sửa chữa các loại trang bị, phương tiện hoạt động, phương tiện vận tải cho các đơn vị quân đội	1.000											1.000			
-	Chi phục vụ công tác phối hợp với các lực lượng trong đảm bảo an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội và nhiệm vụ quốc phòng tại địa phương	300											300			
-	Các nhiệm vụ quốc phòng và nhiệm vụ khác do địa phương giao	1.100											1.100			
+	Tổ chức ngày hội bánh chưng xanh	200											200			
+	Tổ chức 80 năm ngày Truyền thống lực lượng vũ trang (27/10)	400											400			
+	Tổ chức 80 năm ngày Truyền thống lực lượng Dân quân tự vệ (28/3)	200											200			
+	Hỗ trợ mua máy xét nghiệm sinh hóa tự động cho Bệnh xá BCH	300											300			
c	Ngân sách Trung ương bổ sung thực hiện một số nhiệm vụ	2.469										2.469				
-	Chương trình Phát triển lâm nghiệp bền vững	2.469										2.469				
47	Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh	10.054										200	9.854			
a	Các nhiệm vụ ngân sách địa phương đảm bảo	6.354											6.354			
b	Ngân sách địa phương hỗ trợ một số nhiệm vụ phục vụ công tác quốc phòng	3.500											3.500			
-	Xây dựng, sửa chữa, nâng cấp các Sở Chỉ huy, các công trình chiến đấu và phục vụ chiến đấu, trụ sở làm việc, doanh trại, kho tàng, ... của đơn vị quân sự địa phương, biên phòng và các đơn vị quân đội chủ lực khác	1.350											1.350			



STT	Tên đơn vị/ Nội dung	Tổng chi	DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NĂM 2025												
			QLHC	Giáo dục đào tạo	Y tế	VHHT	Xã hội	KHCN	PTTH	TDĐT	Môi trường	Kinh tế	ANQP	Chi khác	
+	Sửa chữa công trình chiến đấu và phục vụ chiến đấu, công trình phòng thủ, công sự bắn ở các Đồn biên phòng và khu vực biên giới	450												450	
+	Sửa chữa nhà ăn cơ quan BCH	450												450	
+	Sửa chữa Tiểu đoàn 19	450												450	
-	Mua sắm, sửa chữa các loại trang bị, phương tiện hoạt động, phương tiện vận tải cho các đơn vị quân đội, biên phòng và các đơn vị quân đội chủ lực khác	850												850	
-	Chi phục vụ công tác phối hợp với các lực lượng trong đảm bảo an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội và nhiệm vụ quốc phòng tại địa phương (bao gồm công tác mật phi trình sát, phòng chống ma túy và tội phạm)	600												600	
-	Các nhiệm vụ quốc phòng và nhiệm vụ khác do địa phương giao	700												700	
+	Tổ chức Xuân Biên phòng ấm lòng dân bản	200												200	
+	Tổ chức Ngày Biên phòng toàn dân	300												300	
+	Kinh phí thực hiện bảo vệ các mục tiêu chính trị, kinh tế, xã hội đảm bảo các nhiệm vụ trước, trong và sau Đại hội Đảng bộ các cấp của tỉnh	200												200	
c	Ngân sách Trung ương bổ sung thực hiện một số nhiệm vụ	200													
-	Chương trình Phát triển lâm nghiệp bền vững	200											200		
													200		
48	Trung đoàn 994	3.100		1.900											1.200
a	Các nhiệm vụ ngân sách địa phương đảm bảo	2.600		1.900											700
-	Tổ chức và huy động lực lượng Dự bị động viên	400													400
-	Thực hiện nhiệm vụ hậu cần tại chỗ, thực hiện chính sách hậu phương quân đội và chính sách đối với lực lượng vũ trang nhân dân ở địa phương	300													300
-	Công tác giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho cán bộ, công chức lãnh đạo chủ chốt	600		600											
-	Đào tạo cán bộ quân sự xã, phường, thị trấn	1.300		1.300											
b	Ngân sách địa phương hỗ trợ một số nhiệm vụ thuộc lĩnh vực quốc phòng	500													500
-	Xây dựng, sửa chữa, nâng cấp các sở chỉ huy, các công trình chiến đấu và phục vụ chiến đấu, trụ sở làm việc, doanh trại, kho tàng, ... của đơn vị quân sự địa phương, biên phòng và các đơn vị quân đội chủ lực khác	100													100
+	Sửa chữa nhà ăn, nhà bếp Trung đoàn	100													100
-	Mua sắm, sửa chữa các loại trang bị, phương tiện hoạt động, phương tiện vận tải cho các đơn vị quân đội, biên phòng và các đơn vị quân đội chủ lực khác	300													300
+	Sửa chữa nhỏ các loại phương tiện tại đơn vị	100													100
+	Mua dụng cụ, vật chất phục vụ công tác huấn luyện	100													100
+	Mua bàn, ghế đảm bảo cho công tác chuyên môn	100													100
-	Hỗ trợ tổ chức 20 năm ngày thành lập Trung đoàn	100													100
49	Công an tỉnh	22.413		100											22.313
a	Các nhiệm vụ ngân sách địa phương đảm bảo	17.063		100											16.963
b	Ngân sách địa phương hỗ trợ một số nhiệm vụ phục vụ an ninh trật tự, an toàn xã hội	2.950													2.950
-	Chi phục vụ công tác phối hợp với các lực lượng trong đảm bảo an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội	1.950													1.950
+	Đảm bảo an ninh trật tự các đoàn Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước đến thăm và làm việc trên địa bàn tỉnh nhà	100													100
+	Chi phòng chống hoạt động xâm nhập, vượt biên sang CPC, chi hoạt động phòng chống biểu tình bạo loạn, khủng bố trên địa bàn	350													350
+	Chi thực hiện công tác bóc gỡ cơ sở ngầm FULRO trên địa bàn tỉnh; kế hoạch giáo dục, cảm hóa, răn đe các loại đối tượng FULRO, các đối tượng hoạt động thành lập "Nhà nước Móng" tại cộng đồng	250													250
+	Kinh phí đảm bảo một phần chi phí trong phối hợp giải quyết các vụ việc khiếu kiện, tranh chấp đất đai, kiểm soát các hoạt động các đối tượng đầu đơn khiếu kiện và triển khai các biện pháp tránh tụ tập đông người phá rối an ninh, trật tự	500													500

STT	Tên đơn vị/ Nội dung	Tổng chi	DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NĂM 2025													
			QLHC	Giáo dục đào tạo	Y tế	VHTT	Xã hội	KHCN	PTTH	TDĐT	Môi trường	Kinh tế	ANQP	Chi khác		
+	Tranh thủ người có uy tín trong vùng đồng bào DTTS, chức sắc, tôn giáo, đảm bảo an ninh nông thôn, dân tộc, tôn giáo	150													150	
+	Kinh phí đảm bảo một phần chi phí (vận động, tranh thủ người có uy tín, tuyên truyền, nhiên liệu tuần tra kiểm soát, ...) trong công tác đảm bảo an ninh trật tự trước tình hình hiện nay	150													150	
+	Kinh phí đảm bảo ANTT các dịp Lễ, Tết của tỉnh	300													300	
+	Hỗ trợ công tác đảm bảo trật tự an toàn xã hội cho lực lượng Cảnh sát 113, Cảnh sát cơ động	150													150	
-	Các nhiệm vụ đảm bảo an ninh và trật tự, an toàn xã hội khác theo quy định của pháp luật	1.000													1.000	
+	Hoạt động của 05 ban chỉ đạo	150													150	
+	Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đảm bảo an ninh kinh tế trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế (Chi thị số 12-CT/TW)	150													150	
+	Tổ chức 80 năm ngày truyền thống Công an nhân dân	400													400	
+	Thực hiện Đề án 06	300													300	
c	Ngân sách Trung ương bổ sung thực hiện một số nhiệm vụ	2.400													2.400	
-	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (bao gồm nguồn vốn Trung ương bổ sung có mục tiêu và vốn đối ứng của ngân sách tỉnh)	2.400													2.400	
+	Nội dung thành phần số 10: Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội	2.400													2.400	
++	Nội dung 01: Tăng cường công tác bảo đảm an ninh, trật tự ở địa bàn nông thôn; triển khai hiệu quả chương trình nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện tiêu chí an ninh, trật tự trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025	2.400													2.400	
50	Ủy ban Đoàn kết công giáo tỉnh	400														400
-	Hỗ trợ kinh phí hoạt động	400													400	
51	Cục thi hành án dân sự tỉnh	94														94
-	Hỗ trợ kinh phí hoạt động của Ban Chỉ đạo Thi hành án dân sự tỉnh	50													50	
-	Thăm, tặng quà nhân dịp tết Nguyên đán theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh	44													44	
52	Bảo hiểm xã hội tỉnh	3.116														91
-	Mua thẻ BHYT cho các đối tượng theo quy định	25													25	
-	Thăm, tặng quà nhân dịp tết Nguyên đán theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh	3.091													3.000	91
53	Kho bạc Nhà nước tỉnh	72														72
-	Thăm, tặng quà nhân dịp tết Nguyên đán theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh	72													72	
54	Cục Quản lý thị trường tỉnh	320														320
-	Thăm, tặng quà nhân dịp tết Nguyên đán theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh	20													20	
-	Hỗ trợ hoạt động Ban chỉ đạo 389/ĐP và thực hiện chuyên mục tuyên truyền chống buôn lậu, gian lận thương mại	300													300	
55	Viện kiểm sát nhân dân tỉnh	102														102
-	Thăm, tặng quà nhân dịp tết Nguyên đán theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh	92													92	
-	Hỗ trợ hoạt động Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh	10													10	
56	Toà án nhân dân tỉnh	70														70
-	Thăm, tặng quà nhân dịp tết Nguyên đán theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh	70													70	
57	Cục Thống kê tỉnh	33														33
-	Thăm, tặng quà nhân dịp tết Nguyên đán theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh	33													33	
58	Cục Thuế tỉnh	655														655
-	Thăm, tặng quà nhân dịp tết Nguyên đán theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh	155													155	
-	Hỗ trợ đoàn kiểm tra liên ngành chống thất thu ngân sách	500													500	
59	Liên đoàn Lao động tỉnh	27														27
-	Thăm, tặng quà nhân dịp tết Nguyên đán theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh	27													27	
60	Cục Diệt báo chiến dịch 505	23														23
-	Thăm, tặng quà nhân dịp tết Nguyên đán theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh	23													23	
61	Đài Khí tượng thủy văn tỉnh	10														10

STT	Tên đơn vị/ Nội dung	Tổng chi	DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NĂM 2025													
			QLHC	Giáo dục đào tạo	Y tế	VHTT	Xã hội	KHCN	PTTH	TDDT	Môi trường	Kinh tế	ANQP	Chi khác		
-	Thăm, tặng quà nhân dịp tết Nguyên đán theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh	10														10
61	Chi cục Hải quan cửa khẩu Bu P'răng	12														12
-	Thăm, tặng quà nhân dịp tết Nguyên đán theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh	12														12
62	Ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh Đắk Nông	21														21
-	Thăm, tặng quà nhân dịp tết Nguyên đán theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh	21														21
64	Hội Cựu giáo chức tỉnh	20	20													21
-	Hỗ trợ tham dự Hội nghị do Trung ương Hội tổ chức	20	20													
65	Ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh tỉnh Đắk Nông	35.000													35.000	
-	Ủy thác vốn cho vay xóa đói giảm nghèo	35.000													35.000	
66	Ban Quản lý các Dự án đầu tư xây dựng tỉnh	19.000										19.000				
-	Thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Cài tạo, nâng cấp, xử lý triệt để ô nhiễm môi trường tại bãi thu gom rác huyện Đắk Rlấp (chuyên tiếp, phân chèn lệch còn thiếu giữa số đã bố trí so với dự toán được phê duyệt)	19.000										19.000				
67	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đắk Wil	13													13	
-	Kinh phí thực hiện chính sách theo Quyết định số 42/2012/QĐ-TTg	13													13	
68	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Nam Tây Nguyên	149													149	
-	Kinh phí thực hiện chính sách theo Quyết định số 42/2012/QĐ-TTg	149													149	
69	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đức Hòa	66													66	
-	Kinh phí thực hiện chính sách theo Quyết định số 42/2012/QĐ-TTg	66													66	
70	Công ty TNHH MTV Đắk N'Tao	131													131	
-	Kinh phí thực hiện chính sách theo Quyết định số 42/2012/QĐ-TTg	131													131	
71	Công ty TNHH MTV ĐTPPT Đại Thành	24													24	
-	Kinh phí thực hiện chính sách theo Quyết định số 42/2012/QĐ-TTg	24													24	
72	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Quảng Sơn	163													163	
-	Kinh phí thực hiện chính sách theo Quyết định số 42/2012/QĐ-TTg	163													163	
73	Công ty Cổ phần Cao su Daknoruco	22													22	
-	Kinh phí thực hiện chính sách theo Quyết định số 42/2012/QĐ-TTg	22													22	
74	Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Gỗ MDF Bison	236													236	
-	Kinh phí thực hiện chính sách theo Quyết định số 42/2012/QĐ-TTg	236													236	
75	Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An	495													495	
-	Kinh phí thực hiện chính sách theo Quyết định số 42/2012/QĐ-TTg	495													495	
76	Công ty Cà phê Đức Lập	28													28	
-	Kinh phí thực hiện chính sách theo Quyết định số 42/2012/QĐ-TTg	28													28	
77	Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Đắk Nông	3.000													3.000	
-	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (bao gồm nguồn vốn Trung ương bổ sung có mục tiêu và vốn đối ứng của ngân sách tỉnh)	3.000													3.000	
+	Nội dung thành phần số 07: Nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống nông thôn	3.000													3.000	
++	Triển khai hiệu quả chương trình "Tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025"	3.000													3.000	
78	Thực hiện nhiệm vụ đặt hàng cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi (phân bổ chi tiết sau khi xác định đối tượng nhận đặt hàng)	43.918													43.918	
79	Thực hiện Dự án Ghi danh liệt sĩ hy sinh tại Đồn Biên phòng cửa khẩu Bu P'răng (phân bổ khi đủ hồ sơ; hoàn nguồn để triển khai thực hiện Dự án vì: Bộ Quốc phòng hỗ trợ địa phương năm 2022, đã thực hiện chuyển nguồn sang năm 2023 nhưng chưa phân bổ do vướng mắc hồ sơ thủ tục, hủy dự toán năm 2023)	20.000													20.000	
80	Tiết kiệm 10% chi thường xuyên thực hiện CCTL để đảm bảo không thấp hơn mức Trung ương giao	29.000	13.186	14.814											1.000	

STT	Tên đơn vị/ Nội dung	Tổng chi	DỰ TOÁN CHI THUỞNG XUYỀN NĂM 2025													
			QLHC	Giáo dục đào tạo	Y tế	VHTT	Xã hội	KHCN	PTTH	TDTT	Môi trường	Kinh tế	ANQP	Chi khác		
81	Các chính sách an sinh, xã hội; công tác đối nội, đối ngoại và các chính sách đặc thù, nhiệm vụ phát sinh khác của địa phương (bao gồm chính sách trong lĩnh vực lâm nghiệp theo Nghị định số 58/2024/NĐ-CP của Chính phủ; đối ứng các Chương trình mục tiêu quốc gia; mua sắm tài sản công;... phân bổ khi có chủ trương của cơ quan có thẩm quyền và đảm bảo hồ sơ, thủ tục)	92.576	26.000					20.000						38.576		8.000
-	Dự kiến nguồn lực thực hiện chính sách trong lĩnh vực lâm nghiệp theo Nghị định số 58/2024/NĐ-CP của Chính phủ	28.222												28.222		
-	Dự kiến kinh phí thực hiện mua sắm, thuê, ... tài sản công theo quy định của Nghị định số 114/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP, Nghị định số 82/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP, Nghị định số 138/2024/NĐ-CP	10.324	6.324											2.000		2.000
-	Dự kiến nguồn lực thực hiện chính sách hỗ trợ trực tiếp cho hộ gia đình, cá nhân thuộc Chương trình bố trí dân cư theo Quyết định số 590/QĐ-TTg ngày 18/5/2022	1.695												1.695		
-	Dự kiến nguồn lực thực hiện chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và một số đối tượng khó khăn khác theo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND	4.104						4.104								
-	Dự kiến nguồn lực thực hiện chính sách hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cao hơn mức hỗ trợ tối thiểu cho một số đối tượng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông theo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 12/2022/NQ-HĐND	8.350						8.350								
-	Dự kiến kinh phí tăng thêm do thực hiện điều chỉnh mức phân bổ cho các cơ quan, đơn vị để ký hợp đồng lao động thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ (điều chỉnh từ 90 triệu đồng lên 110 triệu đồng/hợp đồng/năm)	5.060	5.060													
-	Dự kiến kinh phí thực hiện công tác đối nội, đối ngoại và các nhiệm vụ phát sinh khác của địa phương	7.558	4.558					1.000								2.000
-	Đối ứng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia	27.263	10.058					6.546						6.659		4.000
+	Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững	8.698	2.058					2.546						2.094		2.000
+	Chương trình MTQG Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	18.565	8.000					4.000						4.565		2.000
82	Tổ chức Đại hội Đảng nhiệm kỳ 2025-2030 và kỷ niệm 80 năm thành lập các ngành	23.000	15.000				3.000									5.000



DỰ TOÁN THU - CHI NSNN NĂM 2025 CẤP TỈNH THEO ĐƠN VỊ
(Kèm theo Quyết định số 1509/QĐ-UBND ngày 11/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Đơn vị	DỰ TOÁN THU - CHI NSNN NĂM 2025										
		Dự toán thu						Dự toán chi				
		Tổng số	Gồm					Tổng số	Gồm			
			Lệ phí	Tổng số	Thu phí				Đảm bảo từ nguồn thu	Tổng số	NSNN cấp	
					Nộp NSNN	Trong đó:					Trích về Quỹ TD-KT của tỉnh	Tiết kiệm 10% chi thường xuyên
Được để lại chi	Trong đó: Trích tạo nguồn CCTL											
Tổng số	Tổng số	Tổng số	Tổng số	Trích tạo nguồn CCTL	Tổng số	Tổng số	Tổng số					
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Tổng cộng	42.238	6.709	35.529	7.243	28.286	1.620	2.293.752	28.286	2.265.466	798	69.667
1	Văn phòng Tỉnh ủy							145.430		145.430		5.304
2	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh							10.296		10.296		327
3	Hội Cựu chiến binh tỉnh							5.696		5.696		300
4	Hội Nông dân tỉnh							7.467		7.467		199
5	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh							8.530		8.530		251
6	Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh							9.501		9.501		328
7	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh							24.223		24.223	12	615
8	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	140		140		140	14	45.078	140	44.938	26	2.361
9	Sở Kế hoạch và Đầu tư							13.208		13.208	11	193
10	Sở Tài chính							13.975		13.975	14	296
11	Thanh tra tỉnh							10.772		10.772	10	232
12	Sở Y tế	742		742	133	609	59	399.010	609	398.401	477	5.763
13	Sở Nội vụ							39.195		39.195	20	1.667
14	Sở Giáo dục và Đào tạo							532.399		532.399	12	4.894
15	Trường Chính trị							13.269		13.269		496
16	Trường Cao đẳng Cộng đồng							15.504		15.504		76
17	Ban Quản lý các khu công nghiệp							12.340		12.340	4	550
18	Sở Giao thông Vận tải	16.000	5.000	11.000	696	10.304	840	59.999	10.304	49.695	12	503
19	Ban An toàn giao thông tỉnh							2.262		2.262	1	11
20	Sở Xây dựng	680	50	630	63	567	227	25.486	567	24.919	9	469
21	Sở Công Thương	100		100	30	70	28	19.887	70	19.817	10	797
22	Sở Tư pháp	800		800	554	246	98	15.069	246	14.823	8	383
23	Sở Thông tin và Truyền thông	40		40	4	36	14	18.015	36	17.979	9	272
24	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh							37.415		37.415		508
25	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	9		9	1	8	1	46.847	8	46.839	13	1.176
26	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội							40.393		40.393	12	523
27	Ban Dân tộc							6.025		6.025	6	100
28	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	906	121	785	785			211.384		211.384	100	5.403
29	Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn							19.389		19.389	1	1.885
30	Văn phòng Điều phối nông thôn mới							3.399		3.399	1	11



STT	Đơn vị	DỰ TOÁN THU - CHI NSNN NĂM 2025										
		Dự toán thu					Dự toán chi					
		Tổng số	Lệ phí	Gồm				Tổng số	Đảm bảo từ nguồn thu	Gồm		
				Tổng số	Thu phí		Tổng số			NSNN cấp		
					Nộp NSNN	Trong đó:				Trích về Quỹ TD-KT của tỉnh	Tiết kiệm 10% chi thường xuyên	
Tổng số	Trong đó: Trích tạo nguồn CCTL											
31	Ban Quản lý Vườn quốc gia Tà Đùng						9.325		9.325	5	223	
32	Sở Tài nguyên và Môi trường	22.779	1.536	21.243	4.971	16.272	325	82.131	16.272	65.859	15	1.437
33	Sở Khoa học và Công nghệ	42	2	40	6	34	14	21.796	34	21.762	10	126
34	Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh							3.437		3.437		198
35	Liên minh Hợp tác xã							7.064		7.064		138
36	Hội Cựu thanh niên xung phong							830		830		30
37	Hội Chữ thập đỏ tỉnh							3.039		3.039		123
38	Hội Nạn nhân CDDC/Dioxin tỉnh Đắk Nông							862		862		19
39	Hội Người cao tuổi tỉnh							1.132		1.132		49
40	Hội Nhà báo tỉnh							1.635		1.635		84
41	Hội Khuyến học tỉnh							676		676		15
42	Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh							5.570		5.570		349
43	Hội Đông y tỉnh							1.218		1.218		24
44	Hội Hữu nghị Việt Nam - Campuchia tỉnh							1.013		1.013		33
45	Hội Luật gia tỉnh							354		354		26
46	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh							34.844		34.844		
47	Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh							10.054		10.054		
48	Trung đoàn 994							3.100		3.100		
49	Công an tỉnh							22.413		22.413		
50	Ủy ban Đoàn kết công giáo tỉnh							400		400		
51	Cục thi hành án dân sự tỉnh							94		94		
52	Bảo hiểm xã hội tỉnh							3.116		3.116		
53	Kho bạc Nhà nước tỉnh							72		72		
54	Cục Quản lý thị trường tỉnh							320		320		
55	Viện kiểm sát nhân dân tỉnh							102		102		
56	Toà án nhân dân tỉnh							70		70		
57	Cục Thống kê tỉnh							33		33		
58	Cục Thuế tỉnh							655		655		
59	Liên đoàn Lao động tỉnh							27		27		
60	Cục Điện báo chiến dịch 505							23		23		
61	Đài Khí tượng thủy văn tỉnh							10		10		
62	Chi cục Hải quan cửa khẩu Bu P'răng							12		12		
63	Ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh Đắk Nông							21		21		
64	Hội Cựu giáo chức tỉnh							20		20		
65	Ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh tỉnh Đắk Nông							35.000		35.000		
66	Ban Quản lý các Dự án đầu tư xây dựng tỉnh							19.000		19.000		1.900

		DỰ TOÁN THU - CHI NSNN NĂM 2025												
STT	Đơn vị	Dự toán thu					Dự toán chi							
		Tổng số	Gồm				Tổng số	Gồm						
			Lệ phí	Thu phí				Đảm bảo từ nguồn thu	NSNN cấp					
				Tổng số	Trong đó:				Tổng số	Trong đó:				
					Nộp NSNN	Được để lại chi				Trích về Quỹ TD-KT của tỉnh	Tiết kiệm 10% chi thường xuyên			
67	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đắk Wil									13		13		
68	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Nam Tây Nguyên									149		149		
69	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đức Hòa									66		66		
70	Công ty TNHH MTV Đắk N'Tao									131		131		
71	Công ty TNHH MTV ĐTPT Đại Thành									24		24		
72	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Quảng Sơn									163		163		
73	Công ty Cổ phần Cao su Daknoruco									22		22		
74	Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Gỗ MDF Bison									236		236		
75	Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An									495		495		
76	Công ty Cà phê Đức Lập									28		28		
77	Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Đắk Nông									3.000		3.000		
78	Thực hiện nhiệm vụ đặt hàng cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi (phân bổ chi tiết sau khi xác định đối tượng nhận đặt hàng)									43.918		43.918		
79	Thực hiện Dự án Ghi danh liệt sĩ hy sinh tại Đồn Biên phòng cửa khẩu Bu Prăng (phân bổ khi đủ hồ sơ, hoàn nguồn để triển khai thực hiện Dự án vì: Bộ Quốc phòng hỗ trợ địa phương năm 2022, đã thực hiện chuyển nguồn sang năm 2023 nhưng chưa phân bổ do vướng mắc hồ sơ thủ tục, hủy dự toán năm 2023)									20.000		20.000		
80	Tiết kiệm 10% chi thường xuyên thực hiện CCTL để đảm bảo không thấp hơn mức Trung ương giao									29.000		29.000		29.000
81	Các chính sách an sinh, xã hội; công tác đối nội, đối ngoại và các chính sách đặc thù, nhiệm vụ phát sinh khác của địa phương (bao gồm chính sách trong lĩnh vực lâm nghiệp theo Nghị định số 58/2024/NĐ-CP của Chính phủ; đối ứng các Chương trình mục tiêu quốc gia; mua sắm tài sản công;... phân bổ khi có chủ trương của cơ quan có thẩm quyền và đảm bảo hồ sơ, thủ tục)									92.576		92.576		
82	Tổ chức Đại hội Đảng nhiệm kỳ 2025-2030 và kỷ niệm 80 năm thành lập các ngành									23.000		23.000		

PHỤ LỤC SỐ 06
TỔNG HỢP DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH HUYỆN, THÀNH PHỐ NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 1509/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Tổng cộng	Gia Nghĩa	Cư Jút	Krông Nô	Đắk Mil	Đắk Song	Đắk R'Lấp	Đắk Glong	Tuy Đức
I	Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	3.156.000	1.274.600	346.500	169.500	197.300	227.000	650.000	227.100	64.000
1	Thu nội địa (1)	3.156.000	1.274.600	346.500	169.500	197.300	227.000	650.000	227.100	64.000
2	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	-	-	-	-	-	-	-	-	-
II	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý	5.717.897	553.012	725.240	757.381	814.311	603.318	687.080	810.751	766.803
1	Chi cân đối ngân sách địa phương (2)	4.784.380	520.212	632.150	657.167	667.907	516.053	614.905	620.607	555.378
1.1	Chi đầu tư phát triển	598.132	154.209	67.791	75.309	87.105	54.634	87.116	36.584	35.384
1.2	Chi thường xuyên (3)	4.103.367	358.827	553.294	570.449	568.982	452.006	517.441	572.571	509.798
*	Tiết kiệm 10% chi thường xuyên để thực hiện CCTL	50.375	4.278	7.144	7.167	7.995	5.996	7.243	5.778	4.774
1.3	Dự phòng ngân sách	82.067	7.177	11.066	11.409	11.380	9.040	10.349	11.451	10.196
1.4	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương (4)	813	-	-	-	440	373	-	-	-
2	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu của ngân sách cấp trên để thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình mục tiêu và nhiệm vụ khác	933.517	32.800	93.090	100.214	146.404	87.265	72.175	190.144	211.425
III	Số bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh cho ngân sách huyện	4.385.685	172.324	563.290	634.965	629.221	454.087	487.503	734.151	710.143
1	Bổ sung cân đối	2.356.695	41.699	311.694	376.365	314.017	240.024	279.576	413.082	380.237
2	Bổ sung để thực hiện các chính sách tiền lương theo quy định (5)	1.095.473	97.825	158.506	158.386	168.800	126.798	135.752	130.925	118.481
3	Bổ sung có mục tiêu để thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình mục tiêu và nhiệm vụ khác (2)	933.517	32.800	93.090	100.214	146.404	87.265	72.175	190.144	211.425

Ghi chú:

(1) Chi tiết như Phụ lục số 07

(2) Chi tiết như Phụ lục số 08

(3) Đã bao gồm 10% tiết kiệm năm 2025 để thực hiện cải cách tiền lương là 50.375 triệu đồng.

(4) 50% tăng thu NSDP (không kể thu tiền sử dụng đất, các khoản được loại trừ khi tính tăng thu dành để thực hiện CCTL) dự toán năm 2025 so với dự toán năm 2023

(5) Sẽ xác định chính thức căn cứ báo cáo kết quả thực hiện chính sách năm 2025 của từng địa phương.



PHỤ LỤC SỐ 07

NHIỆM VỤ THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ

(Kèm theo Quyết định số 1509/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng cộng	Gia Nghĩa	Cư Júc	Krông Nô	Đắk Mil	Đắk Song	Đắk R'Lấp	Đắk Glong	Tuy Đức
	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN (I+II)	3.156.000	1.274.600	346.500	169.500	197.300	227.000	650.000	227.100	64.000
I	THU NỘI ĐỊA	3.156.000	1.274.600	346.500	169.500	197.300	227.000	650.000	227.100	64.000
1	Thu từ khu vực DNNN do trung ương quản lý	563.000	84.300	107.000	24.900	450	450	226.000	119.900	-
-	Thuế giá trị gia tăng	237.000	83.830	41.700	11.170	450	450	82.400	17.000	-
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	25.000	470	300	130	-	-	23.600	500	-
-	Thuế tài nguyên	301.000	-	65.000	13.600	-	-	120.000	102.400	-
	<i>Trong đó: Thu từ thủy điện và khoáng sản Bô-xít</i>	<i>288.250</i>	<i>-</i>	<i>65.000</i>	<i>12.900</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>108.000</i>	<i>102.350</i>	<i>-</i>
2	Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý	18.000	6.410	1.150	650	2.750	2.500	1.550	950	2.040
-	Thuế giá trị gia tăng	7.600	2.800	700	350	1.800	400	600	250	700
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.000	3.350	400	300	900	2.100	950	680	1.320
-	Thuế tài nguyên	400	260	50	-	50	-	-	20	20
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	110.000	13.500	300	-	-	74.100	22.100	-	-
-	Thuế giá trị gia tăng	66.000	1.450	-	-	-	42.500	22.050	-	-
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	44.000	12.050	300	-	-	31.600	50	-	-
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	707.000	316.170	129.850	37.180	43.590	39.730	95.030	37.200	8.250
-	Thuế giá trị gia tăng	450.500	177.810	84.080	24.680	36.040	29.290	65.380	26.720	6.500
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	108.200	59.230	25.500	1.400	4.150	4.400	10.000	3.150	370
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	1.800	510	270	200	100	240	250	130	100
-	Thuế tài nguyên	146.500	78.620	20.000	10.900	3.300	5.800	19.400	7.200	1.280
	<i>Trong đó: Thu từ thủy điện</i>	<i>125.600</i>	<i>73.000</i>	<i>19.000</i>	<i>6.800</i>	<i>-</i>	<i>3.000</i>	<i>17.000</i>	<i>6.800</i>	<i>-</i>
5	Thuế thu nhập cá nhân	275.000	128.890	21.000	15.060	27.000	27.100	29.350	14.100	12.500
6	Thuế bảo vệ môi trường	245.000	245.000	-	-	-	-	-	-	-
-	Thu từ hàng hóa sản xuất, kinh doanh trong nước	147.000	147.000	-	-	-	-	-	-	-
-	Thu từ hàng hóa nhập khẩu	98.000	98.000	-	-	-	-	-	-	-
7	Lệ phí trước bạ	191.000	45.000	15.000	16.000	35.000	25.000	29.000	13.500	12.500
8	Thu phí, lệ phí	175.000	24.100	4.300	3.800	7.200	6.600	123.200	2.800	3.000
-	Phí, lệ phí do cơ quan Trung ương thực hiện thu	18.630	4.880	1.550	1.300	2.600	3.300	2.700	1.000	1.300
-	Phí, lệ phí do cơ quan cấp tỉnh thực hiện thu	136.347	14.900	450	600	1.500	500	117.527	370	500



STT	Nội dung	Tổng cộng	Gia Nghĩa	Cư Jút	Krông Nô	Đắk Mil	Đắk Song	Đắk R'Lấp	Đắk Glong	Tuy Đức
-	Phí, lệ phí do cơ quan huyện, xã thực hiện thu	20.023	4.320	2.300	1.900	3.100	2.800	2.973	1.430	1.200
	<i>Trong đó: Phí Bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản</i>	<i>120.740</i>	<i>1.100</i>	<i>600</i>	<i>1.100</i>	<i>1.000</i>	<i>700</i>	<i>116.000</i>	<i>40</i>	<i>200</i>
9	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	700	400	-	60	60	80	70	10	20
10	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	24.000	6.000	1.700	1.500	4.200	2.000	5.900	1.200	1.500
	<i>Trong đó: Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cho thuê</i>	<i>22.200</i>	<i>5.800</i>	<i>1.450</i>	<i>900</i>	<i>3.800</i>	<i>1.750</i>	<i>5.900</i>	<i>1.100</i>	<i>1.500</i>
11	Thu tiền sử dụng đất	600.000	274.000	50.000	60.000	70.000	40.000	70.000	18.000	18.000
	<i>Trong đó: Thu từ các dự án, công trình do tỉnh đầu tư hoặc quản lý</i>	<i>140.000</i>	<i>140.000</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
12	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	42.000	42.000	-	-	-	-	-	-	-
13	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	90.000	14.960	10.830	5.450	940	1.730	40.500	15.000	590
-	Cơ quan Trung ương cấp	72.600	10.720	10.130	3.550	-	500	32.800	14.900	-
-	Ủy ban nhân dân tỉnh cấp	17.400	4.240	700	1.900	940	1.230	7.700	100	590
	<i>Trong đó: Thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước</i>	<i>4.274</i>	<i>115</i>	<i>110</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>9</i>	<i>4.000</i>	<i>-</i>	<i>40</i>
14	Thu khác ngân sách	115.000	73.870	5.370	4.900	6.110	7.710	7.300	4.440	5.300
-	Thu khác ngân sách Trung ương	70.000	45.000	4.000	2.610	4.200	5.000	4.000	1.640	3.550
-	Thu khác ngân sách tỉnh	27.110	25.870	70	200	110	210	300	200	150
-	Thu khác ngân sách huyện, xã	17.890	3.000	1.300	2.090	1.800	2.500	3.000	2.600	1.600
15	Thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế	300	-	-	-	-	-	-	-	300
II	THU TỪ HOẠT ĐỘNG XUẤT NHẬP KHẨU	-	-	-	-	-	-	-	-	-

PHỤ LỤC SỐ 08

NHIỆM VỤ CHI NGÂN SÁCH CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1509/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Tổng cộng	Gia Nghĩa	Cư Jút	Krông Nô	Đắk Mil	Đắk Song	Đắk R'Lấp	Đắk Glong	Tuy Đức
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (I+II)	5.717.897	553.012	725.240	757.381	814.311	603.318	687.080	810.751	766.803
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	4.784.380	520.212	632.150	657.167	667.907	516.053	614.905	620.607	555.378
1	Chi đầu tư phát triển	598.132	154.209	67.791	75.309	87.105	54.634	87.116	36.584	35.384
-	Chi đầu tư XDCB vốn tập trung trong nước	138.132	20.209	17.791	15.309	17.105	14.634	17.116	18.584	17.384
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất (1)	460.000	134.000	50.000	60.000	70.000	40.000	70.000	18.000	18.000
2	Chi thường xuyên (2)	4.103.367	358.827	553.294	570.449	568.982	452.006	517.441	572.571	509.798
	<i>Trong đó:</i>									
-	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo	2.427.269	192.046	341.914	337.309	350.660	261.837	308.085	344.896	290.523
-	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	2.400	300	300	300	300	300	300	300	300
3	Dự phòng ngân sách	82.067	7.177	11.066	11.409	11.380	9.040	10.349	11.451	10.196
4	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	813				440	373			
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu của ngân sách cấp trên để thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình mục tiêu và nhiệm vụ khác	933.517	32.800	93.090	100.214	146.404	87.265	72.175	190.144	211.425
1	Kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia	467.988	2.460	25.636	34.215	76.565	37.606	25.275	117.221	149.010
1.1	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (Vốn đầu tư phát triển)	273.863	256	4.773	13.766	50.295	25.652	1.906	80.211	97.004
-	Ngân sách trung ương	265.537	196	4.773	13.636	49.815	25.008	1.726	77.291	93.092
-	Ngân sách tỉnh đối ứng	8.326	60	-	130	480	644	180	2.920	3.912
1.2	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững (Vốn đầu tư phát triển)	70.004	3	68	63	90	65	90	34.692	34.933
-	Ngân sách trung ương	65.441	3	68	60	90	63	90	32.421	32.646
-	Ngân sách tỉnh đối ứng	4.563	-	-	3	-	2	-	2.271	2.287
1.3	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	124.121	2.201	20.795	20.386	26.180	11.889	23.279	2.318	17.073
-	Vốn đầu tư phát triển	102.761	951	16.395	17.691	22.930	9.029	17.819	1.373	16.573
+	Ngân sách trung ương	101.065	951	16.395	17.691	22.930	9.029	17.819	1.373	14.877
+	Ngân sách tỉnh đối ứng	1.696	-	-	-	-	-	-	-	1.696
-	Kinh phí sự nghiệp (Ngân sách trung ương)	21.360	1.250	4.400	2.695	3.250	2.860	5.460	945	500
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ	465.529	30.340	67.454	65.999	69.839	49.659	46.900	72.923	62.415
2.1	Kinh phí thực hiện các chính sách ASXH (3)	266.220	16.424	33.145	42.125	34.240	31.193	14.116	50.718	44.259
2.2	Kinh phí thực hiện các chính sách theo Nghị quyết của HĐND tỉnh (4)	135.273	13.075	17.625	19.494	19.435	15.610	17.014	17.895	15.125

STT	Chỉ tiêu	Tổng cộng	Gia Nghĩa	Cư Jút	Krông Nô	Đắk Mil	Đắk Song	Đắk R'Lấp	Đắk Glong	Tuy Đức
2.3	Bổ sung kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông trên địa bàn (không bao gồm kinh phí của lực lượng Công an)	4.900	600	600	600	700	600	600	600	600
2.4	Kinh phí thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững	1.654	54	29	756	10	140	37	495	133
2.5	Hỗ trợ địa phương sản xuất lúa	3.321	26	1.055	1.024	454	116	133	215	298
2.6	Hỗ trợ sửa chữa, cải tạo một số tuyến đường giao thông nhằm phát triển kinh tế - xã hội, kiến thiết thị chính để hoàn thành mục tiêu nông thôn mới và nâng cấp đô thị hành chính lên thị xã	45.000	-	15.000	-	15.000	-	15.000	-	-
-	Sửa chữa đường Nguyễn Du, thị trấn Kiến Đức, huyện Đắk R'Lấp	15.000						15.000		
-	Sửa chữa đường Lê Hồng Phong- Thị trấn Ea T'ling, huyện Cư Jút	15.000		15.000						
-	Đường DH21 từ Quốc lộ 14 vào làng Giao, xã Đức Mạnh đi xã Đắk N'Drot	15.000				15.000				
2.7	Hỗ trợ công tác chuyển đổi số, đảm bảo đầu nối với hệ thống thông tin nguồn của tỉnh	8.000			2.000		2.000		2.000	2.000
2.8	Kinh phí thực hiện trách nhiệm bồi thường của Nhà nước theo Bản án số 22/2023/HC-ST ngày 17/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông (bồi thường tiền chậm nộp thuế đã nộp vào NSNN)	161	161							
2.9	Hỗ trợ kinh phí tổ chức kỷ niệm 20 năm đổi tên Huyện Đắk Glong (50 năm thành lập Huyện Đắk Glong)	1.000							1.000	

Ghi chú:

(1) Đã bao gồm kinh phí trích lập để đo đạc, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai, lập hồ sơ địa chính.

(2) Trong đó: Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ được giao là mức chi tối thiểu.

(3) Phân bổ từ nguồn TW bổ sung có mục tiêu cho địa phương. Xác định trên cơ sở bù trừ chênh lệch tăng/giảm của tất cả các chế độ, chính sách do thay đổi mức, đối tượng so với dự toán năm 2023, gồm: (a) Miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập; (b) Hỗ trợ giáo dục mầm non; (c) Hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh khuyết tật; (d) II hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã ĐBK; (e) Hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người DTTS; (f) Hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên DTTS rất ít người; (g) Kinh phí mua thẻ BHYT cho các đối tượng; (h) Chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng BTXH; (k) Hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ CSXH; (l) Hỗ trợ BHXH tự nguyện;... Sẽ xác định chính thức căn cứ báo cáo kết quả thực hiện chính sách năm 2025 của từng địa phương.

(4) Xác định dựa trên kết quả thực hiện năm 2023, tình hình thực hiện năm 2024 và nhu cầu năm 2025 do các huyện, thành phố đề xuất, gồm: Chính sách hỗ trợ lãi suất cho đồng bào dân tộc thiểu số theo Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND; Chính sách về chi trả tặng ngày Thương binh - Liệt sỹ (27/7), tết Nguyên Đán và đưa đón đối tượng đi điều dưỡng tập trung, tham quan theo Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND; Chính sách hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cao hơn mức hỗ trợ tối thiểu cho một số đối tượng trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2023-2025 theo Nghị quyết số 12/2022/NQ-HĐND; Chính sách hỗ trợ về giáo dục và nhà ở theo Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND; Chính sách trợ giúp xã hội cho các đối tượng theo Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND (ngoài đối tượng quy định tại Nghị định số 20/2021/ND-CP); Hỗ trợ tết Nguyên Đán cho các đối tượng theo Nghị quyết số 23/2023/NQ-HĐND; Chính sách theo Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND (kinh phí tăng thêm để thực hiện chế độ cho lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở); Kinh phí thực hiện ký kết hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ trong các đơn vị sự nghiệp (nhóm 4) thuộc lĩnh vực giáo dục;... Sẽ xác định chính thức căn cứ báo cáo kết quả thực hiện chính sách năm 2025 của từng địa phương và trên cơ sở bù trừ chênh lệch tăng/giảm của tất cả các chế độ, chính sách.